



2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



MỤC LỤC

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG	4
1. Thông tin khái quát	5
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	7
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	8
4. Định hướng phát triển của Công ty	22
PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	30
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	34
2. Tình hình đầu tư - thực hiện các dự án	35
3. Tình hình tài chính	36
4. Cơ cấu cổ đông.	37
PHẦN III: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	42
1. Tình hình tài chính	43
2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	44
3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2019/2020	44
PHẦN IV: QUẢN TRỊ CÔNG TY	48
1. Hoạt động của HĐQT	49
2. Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ	52
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT	57
4. Báo cáo phát triển bền vững	58
PHẦN V: BÁO CÁO TÀI CHÍNH	60
Báo cáo tài chính kiểm toán riêng của công ty mẹ	61
Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất	71

2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

- ◆ Thông tin khái quát
- ◆ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- ◆ Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- ◆ Định hướng phát triển của Công ty

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát:

Tên tiếng Việt	Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
Tên tiếng Anh	Lam Son sugar cane Joint Stock Corporation
Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
Tên viết tắt	LASUCO
Mã giao dịch	LSS
Vốn điều lệ	700.000.000.000 đồng

Ngày thành lập:

Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn thành lập ngày 06 tháng 12 năm 1999 do Thủ tướng chính phủ quyết định chuyển đổi từ Công ty đường Lam Sơn. Tiền thân là Nhà máy đường Lam Sơn được thành lập ngày 31/03/1980.

Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam. Giấy CNĐKKD: 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp, đăng ký lần đầu ngày 23/12/1999.

Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.



Thông tin liên hệ:

Trụ sở chính	Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa
Điện thoại	0237 899 6667
Fax	02373 834 092
Email	info@lasuco.vn
Website	www.lasuco.com.vn www.lasuco.vn

Biểu tượng công ty:



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 12/01/1980

Nhà máy được xây dựng theo quyết định số 24/TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng Nhà máy đường Lam Sơn với công suất 1.500 tấn mía/ngày, thiết bị và công nghệ của hãng FCB Cộng hòa Pháp; thời gian xây dựng kéo dài hơn 5 năm.

1980

02/11/1986

Nhà máy đi vào sản xuất vụ đầu tiên.

1986

Tháng 10/1995

Thành lập Hiệp hội Mía đường Lam Sơn trong đó Công ty Đường Lam Sơn giữ vai trò thành viên sáng lập. Hiệp hội là đầu mối giữa Doanh nghiệp-Nông dân-Trí thức, nơi gìn giữ lòng tin của bà con nông dân để hỗ trợ, thúc đẩy các chương trình trồng trọt, nhân giống, phát triển vùng nguyên liệu mía cho nhà máy.

1995

Ngày 21/10/1996

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư Dự án Nhà máy đường Số II với tổng mức đầu tư 451,098 tỷ đồng.

1996

Từ năm 1998 - 1999

Dự án đã đi vào hoạt động đưa năng lực sản xuất của Công ty lên 6.500 TMN, gấp 2,6 lần trước đầu tư.

1999

Ngày 09/1/2008

Công ty đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là LSS. Vốn điều lệ 300 tỷ đồng. Tổng tài sản trên 1.200 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu gần 800 tỷ đồng.

2008

Ngày 08/3/2012

Công ty hoàn thành đầu tư xây dựng Dự án nâng công suất Nhà máy đường số 2 từ 4.000 TMN lên 8.000 TMN với công nghệ tiên tiến gắn với Nhà máy điện 33,5MW, đưa tổng công suất toàn Công ty lên 10.500 TMN.

2012

Ngày 30/09/2013

Triển khai Dự án "Đầu tư xây dựng Khu nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn". Tổng mức đầu tư của Dự án là 135 tỷ đồng. Với mục tiêu là : Quy hoạch và Xây dựng một Khu Nông nghiệp CNC đẳng cấp Quốc gia trên cơ sở hình thành Trung tâm Nông nghiệp CNC Bắc Miền Trung.

2013

Ngày 08/12/2015

Công ty long trọng tổ chức lễ kỷ niệm 35 năm ngày thành lập và đón nhận Huân chương lao động hạng Nhì. Đây là sự kiện đánh dấu sự phát triển vượt bậc, nâng cao tầm vóc và vị thế của tập đoàn lên một tầm cao mới, sức mạnh trong thời kỳ đổi mới.

2015

Ngày 01/07/2016

Chính thức chuyển đổi mô hình quản lý, đưa Công ty TNHH Trung tâm nghiên cứu và phát triển Nông nghiệp CNC Lam Sơn hoạt động độc lập theo mô hình doanh nghiệp khoa học; đánh dấu bước chuyển biến mới, bám sát và thực hiện thành công mục tiêu ban đầu.

2016

Tháng 10 năm 2017

Tổ chức thành công hội nghị tổng kết 22 năm ngành mía đường Việt Nam. Tái định vị thương hiệu LASUCO và công bố một số dòng sản phẩm mới - Tất cả là tự nhiên.

2017

Tháng 2/2018

Khởi công xây dựng Công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam với tổng diện tích 159,58 ha. Trên địa bàn 2 huyện Thọ Xuân và Thường Xuân Tỉnh Thanh Hóa.

2018

Tháng 9/2018

Công ty đã tổ chức lễ khai trương công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam giai đoạn một. Công viên được quy hoạch xây dựng tại 4 xã gồm Xuân Bái, Thọ Xương, Xuân Phú huyện Thọ Xuân và xã Thọ Thanh huyện Thường Xuân.

2018

Tháng 11/2018

Chính thức đưa Nhà máy đường phèn với công suất 50 tấn/ngày đi vào hoạt động và thương mại hóa sản phẩm đường phèn ra thị trường

2018

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

Tầm nhìn:

Xây dựng và phát triển LASUCO trở thành một tập đoàn Nông nghiệp chuyên sâu, uy tín thương hiệu toàn cầu, tập trung vào chuỗi giá trị dinh dưỡng cao theo hướng hữu cơ và hữu cơ đến từ tự nhiên.

Sứ mệnh:

LASUCO cam kết

- Tất cả các sản phẩm được sản xuất và cung cấp ra thị trường là sản phẩm sạch, sản phẩm hữu cơ, theo hướng hữu cơ đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng toàn cầu bằng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến thân thiện môi trường “Vì chất lượng cuộc sống, vì sức khỏe con người”.
- Cùng với nông dân làm giàu và Hợp tác phát triển bền vững vì cộng đồng.
- Với mục tiêu: Tất cả là tự nhiên.

Giá trị cốt lõi:

- Chất lượng - Tín nhiệm - Hiệu quả: Chất lượng là mục tiêu hàng đầu, luôn giữ chữ tín trong mọi cam kết, lấy hiệu quả là thước đo chất lượng công việc.
- Trách nhiệm - thân thiện - bền vững: Giữ trách nhiệm đến cùng, luôn tạo quan hệ thân thiện nhân văn, xây dựng bền vững các mối quan hệ trên cơ sở cùng có lợi.
- Sáng tạo - Đổi mới - Năng động: Là động lực quan trọng đổi mới Lasuco, là thước đo hiệu quả trong lao động cống hiến của mỗi thành viên LASUCO.

Ngành nghề kinh doanh chính

Ngành nghề kinh doanh chính:

Công nghiệp sản xuất đường, điện; Sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao: Rau, Hoa, quả cao cấp; Sản xuất lúa gạo hữu cơ; Sản xuất vật liệu xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh khác:

- Công nghiệp nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu.
- Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm nông sản, thực phẩm, kinh doanh thương mại, khách sạn, ăn uống, xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh.
- Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp.

Mục tiêu của Công ty:

Xây dựng và phát triển LASUCO thành tập đoàn kinh tế Nông nghiệp chuyên sâu bền vững, sản xuất, chế biến nông sản thực phẩm sạch theo hướng hữu cơ đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu; Đảm bảo hài hòa các mối quan hệ lợi ích bền vững giữa Cổ đông - Người trồng mía - Người lao động trong doanh nghiệp và lợi ích xã hội, cộng đồng.

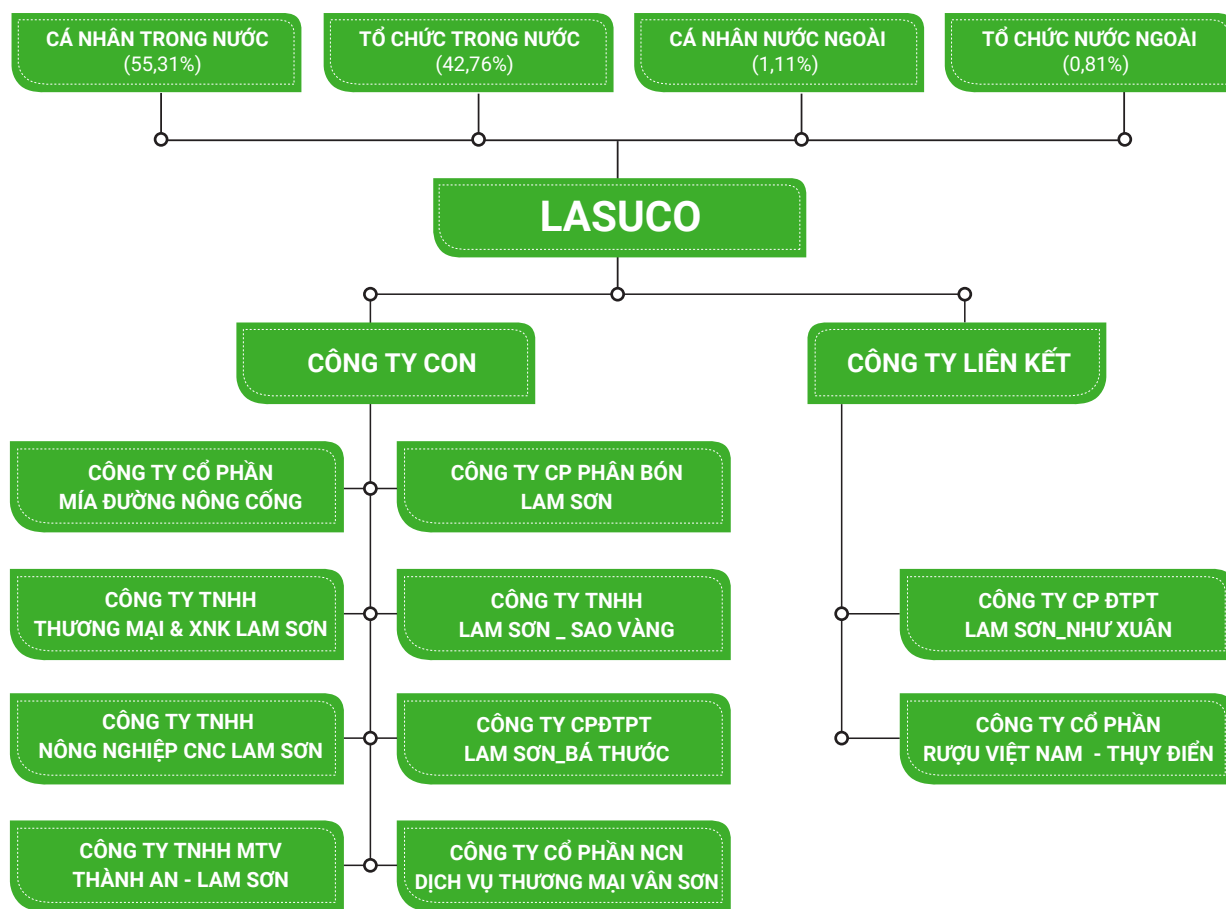
Phạm vi kinh doanh và hoạt động:

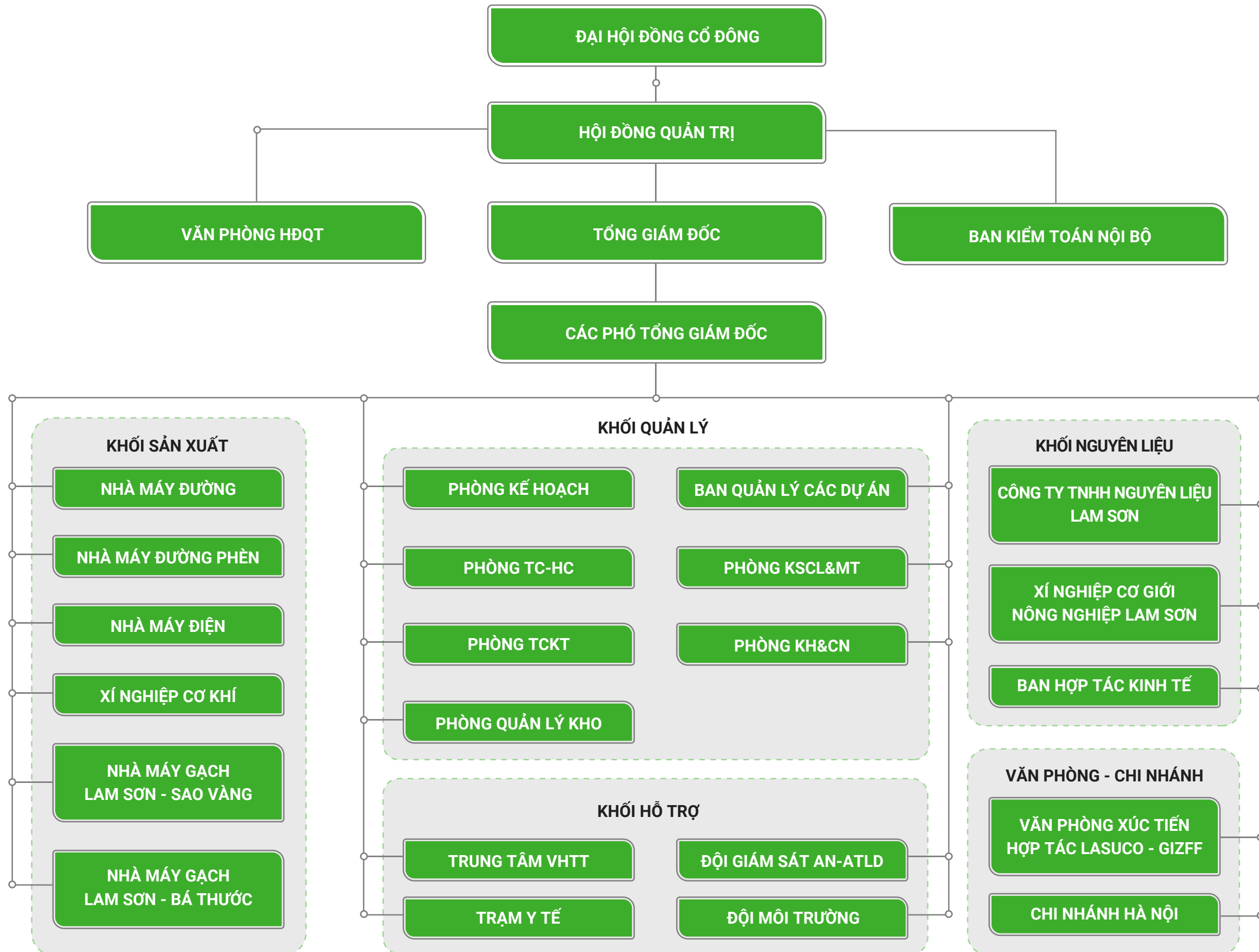
Tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ Công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

Địa bàn kinh doanh:

Xây dựng và phát triển hệ thống thị trường trong nước, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, triển khai có hiệu quả chương trình xuất khẩu và nhập khẩu.

I. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ





QUẢN TRỊ CÔNG TY

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông LÊ VĂN TAM

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Sinh ngày: 10/11/1937

Trình độ học vấn: Cử nhân kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Từ 10/1971-6/1975:	Công tác tại phòng Kế hoạch - Ty Nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa
Từ 7/1975-1/1977:	Phó phòng kế hoạch - Ty Nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa
Từ 2/1977 - 6/1978:	Trưởng phòng Kế hoạch - Ty Nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa
Từ 7/1978 - 6/1986:	Phó giám đốc Sở Nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa
Từ 7/1986 -10/1988:	Phó giám đốc Sở Nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa, kiêm trưởng ban quản lý xây dựng vùng mía Thanh Hóa
Từ 11/1988 -6/1992:	Phó Tổng giám đốc Tổng công ty mía đường I; Phó Bí thư Đảng Ủy, Giám đốc nhà máy đường Lam Sơn
Từ 11/1992-12/1999:	Phó Tổng giám đốc Tổng công ty mía đường I; Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn; Phó bí thư Đảng Ủy; Giám đốc Công ty đường Lam Sơn
Từ 2000 - 2007:	Chủ tịch Hiệp hội mía đường Việt Nam
Từ 2000 - 4/2011:	Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn; Phó Bí thư Đảng Ủy; Chủ tịch HĐQT; Tổng giám đốc Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
Từ 5/2011 đến nay:	Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn



Ông LÊ VĂN TÂN

P. Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị

Sinh ngày: 15/8/1971

Trình độ học vấn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
 Kỹ sư điện tự động hóa

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Từ 09/1989 - 06/1999:	Làm việc tại xưởng sản xuất bánh kẹo Công ty đường Lam Sơn
Từ 07/1999-06/2005:	Kỹ thuật tự động hóa tại nhà máy đường Lam Sơn
Từ 07/2005 -01/2007:	Quản đốc tại công ty TNHH Sữa Milas
Từ 2/2007- 9/2011:	Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần thiết bị TĐH An Phát
Từ 10/2011-05/2015:	Phó phòng kinh doanh - Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
Từ 06/2015-09/2017:	Phó chủ tịch HĐQT; Giám đốc Công ty CP phân bón Lam Sơn
Từ 10/2017 - 12/2018:	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn; Phó chủ tịch HĐQT; Giám đốc Công ty cổ phần phân bón Lam Sơn
Từ 01/2019 đến nay:	Phó chủ tịch HĐQT; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phân bón Lam Sơn; Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH một thành viên Lam Sơn - Sao Vàng, Chủ tịch của Công ty CP NCN Dịch vụ thương mại Vân Sơn



Ông LÊ TRUNG THÀNH

Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh ngày: 10/5/1965

Trình độ học vấn: Cao cấp lý luận Chính trị.
 Cử nhân Quản trị kinh doanh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Từ 1993-2003:	Giám đốc Chi nhánh Hà Nội - Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
Từ 2003-2004:	Học tại Học viện Chính trị Quốc gia HCM
Từ 2004 -2006:	Phó Tổng giám đốc Công ty CPMD Lam Sơn
Từ 2007 -2012:	Giám đốc Công ty TM - Du lịch Lam Sơn
Từ 2013-10/2016:	Giám đốc trung tâm thương mại Lam Sơn - Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn; Phó chủ tịch Ban đại diện quỹ đầu tư các doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam; Chủ tịch HĐQT công ty CP Thương Mại Lam Hà.
Từ 10/2016 – 11/2018:	Phó chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần mía đường Nông Cống.
Từ 12/2018 đến nay:	Thành viên HĐQT Công ty CP mía đường Lam Sơn; Chủ tịch HĐQT Công ty CP mía đường Nông Cống.



Ông PHÙNG THANH HẢI
Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh ngày: 22/11/1965
Trình độ học vấn: Cử nhân kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Từ 10/1986 - 6/1996:	Nhân viên Phòng Kế toán - Công ty đường Lam Sơn.
Từ 7/1996 – 2/2017:	Kế toán trưởng Hiệp hội mía đường Lam Sơn
Từ 7/2003 - 4/2011:	Kiểm soát viên - Ban kiểm soát Công ty CP mía đường Lam Sơn nhiệm kỳ II và III.
Từ 12/2014 - 1/2019	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phân bón Lam Sơn
Từ 6/2014 đến nay:	Thành viên HĐQT - Phó Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn.



Ông LÊ DU PHONG
Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh ngày: 5/5/1943
Trình độ học vấn: Giáo sư - tiến sĩ Khoa Học

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Từ 1968 - 1974:	Giáo viên đại học kinh tế quốc dân
Từ 1975 - 1979:	Tiến sỹ tại Hungary
Từ 1980 - 1984:	Phó chủ nhiệm Khoa nông nghiệp - Đại học kinh tế quốc dân
Từ 1985 - 1989:	Tiến sỹ khoa học tại Hungary
Từ 1990 - 1996:	Giám đốc Trung tâm NCKT & PT Đại học kinh tế quốc dân
Từ 1997 - 1998:	Viện trưởng viện NCKT & PT Đại học kinh tế quốc dân
Từ 1999 - 2001:	Phó hiệu trưởng trường đại học kinh tế quốc dân
Từ 2002 - 2003:	Quyền hiệu trưởng trường đại học kinh tế quốc dân
Từ 2004 - 2006:	Thành viên Ban nghiên cứu của Thủ tướng chính phủ
từ 12/2018 đến nay:	Thành viên HĐQT độc lập - Công ty CP mía đường Lam Sơn

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông LÊ VĂN PHƯƠNG Tổng giám đốc công ty

Sinh ngày: 05/11/1977

Trình độ học vấn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Cử nhân CĐ Công nghệ thực phẩm

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Từ 01/1999 - 01/2005:	Nhân viên Phòng kiểm soát chất lượng và môi trường.
Từ 02/2005 - 10/2007:	Nhân viên Phòng công nghệ thông tin.
Từ 11/2007 - 08/2009:	Trưởng phòng Kiểm soát chất lượng và môi trường.
Từ 09/2009 - 05/2014:	Trưởng phòng công nghệ thông tin. Trưởng phòng Kiểm soát chất lượng và môi trường.
Từ 06/2014 - 30/9/2019:	Tổng Giám đốc Công ty.



Ông LÊ VĂN QUANG Phó Tổng giám đốc công ty

Sinh ngày: 02/06/1979

Trình độ học vấn: Cử nhân kế toán
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Từ 2001 - 2005:	Nhân viên phòng Tài chính kế toán - Công ty cổ phần mía đường Lam sơn
Từ 2006-4/2011:	Kiểm soát viên - Ban kiểm soát - Công ty cổ phần mía đường Lam sơn
Từ 2009-2011:	Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần mía đường Sơn La
Từ 4/2011 - 10/2016:	Trưởng ban kiểm soát - Công ty cổ phần mía đường Lam sơn
Từ 2014 đến nay:	Thành viên HĐQT công ty cổ phần phân bón Lam Sơn
Từ 10/2016 đến nay:	Phó Tổng giám đốc thường trực phụ trách nội vụ và kinh doanh



Ông LÊ BÁ CHIỀU

Phó Tổng giám đốc công ty

Sinh ngày: 10/4/1976

Trình độ học vấn: Kỹ sư nông nghiệp

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Từ 12/10/1998-24/08/2001:	Nhân viên phòng Nguyên liệu
Từ 25/08/2004-16/09/2003:	Nhân viên kế toán - xí nghiệp sản phẩm mới
Từ 17/09/2003-23/12/2003:	Nhân viên xí nghiệp nguyên liệu và dịch vụ vận tải
Từ 24/12/2003-15/5/2009:	Nhân viên phòng kế hoạch đầu tư
Từ 16/5/2009-21/11/2009:	Cán bộ trưởng Cao đẳng nghề Lam Kinh
Từ 22/11/2009-28/02/2011:	Phó phòng Nguyên liệu - Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
Từ 1/3/2011-29/05/2014:	Giám đốc Công ty CPĐTPT Lam Sơn - Bá Thước
Từ 30/5/2014-04/2016:	Phó Tổng giám đốc phụ trách Nguyên liệu - Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
Từ 04/2016-10/2018:	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Công ty TNHH Trung tâm NC&PT nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn
Từ 11/2018-04/2019:	Trợ lý Chủ tịch Hội đồng Quản trị- Phụ trách Ban kinh tế hợp tác chương trình liên kết Hợp tác xã kiểu mới - Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
Từ 05/2019 đến nay:	Thành viên Ban vận động thành lập Hiệp hội tre luồng Thanh Hóa



Ông NGUYỄN DUY THÀNH

Phó Tổng giám đốc công ty

Sinh ngày: 01/05/1968

Trình độ học vấn: Kỹ sư cơ khí

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Từ 10/1992 - 09/1994:	Công ty thuốc lá Thanh Hóa
Từ 10/1994 - 08/2000:	Kỹ sư cơ khí, công ty đường Lam Sơn
Từ 09/2000 - 07/2006:	Kỹ sư cơ khí, phó giám đốc nhà máy đường 1, công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
Từ 08/2006 - 04/2011:	Kỹ sư cơ khí, Giám đốc nhà máy đường 1, công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
Từ 05/2011 - 04/2014:	Ban dự án nâng cấp nhà máy đường 2; phụ trách bộ phận cơ khí, công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
Từ 05/2014 đến nay:	Phó Tổng giám đốc công ty cổ phần mía đường Lam Sơn



Bà LÊ THỊ HUỆ

Trưởng Ban kiểm toán nội bộ

Sinh ngày: 28/8/1971

Trình độ học vấn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Cử nhân kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Từ 1993 - 2003:	Kế toán - Phòng TCKT Công ty CP mía đường Lam Sơn
Từ 2003 - 2006:	Phó trưởng phòng TCKT Công ty CP mía đường Lam Sơn
Từ 2011 - 2013:	TV ban đại diện quỹ đầu tư chứng khoán Tiger Fund
Từ 2006 - 2016:	Kế toán trưởng - Trưởng phòng TCKT Công ty CP mía đường Lam Sơn
Từ 01/2016 - 2018:	Kế toán trưởng - Trưởng phòng TCKT Công ty CP mía đường Lam Sơn; Ủy viên HĐQT Công ty CP mía đường Nông công
Từ 01/2019 đến nay:	Trưởng Ban kiểm toán nội bộ



Bà ĐỖ THỊ THANH HÀ

Kế toán trưởng

Sinh ngày: 10/10/1982

Trình độ học vấn: Cử nhân kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Từ 01/2005 - 06/2011:	Nhân viên phòng tài chính kế toán
Từ 06/2011 - 10/2016:	Phó phòng tài chính kế toán
Từ 10/2016-12/2018:	Trưởng BKS Công ty CP mía đường Lam Sơn Trưởng BKS Công ty CP mía đường Nông Công
Từ 01/2019 đến nay:	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng tài chính kế toán công ty CP mía đường Lam Sơn

NHỮNG THAY ĐỔI VỀ MẶT TỔ CHỨC

Đại hội đồng cổ đông 2018 đã chính thức thay đổi mô hình quản lý Công ty theo quy định mới của Luật Doanh nghiệp; Đại hội đã thống nhất thông qua việc thành lập Ban kiểm toán nội bộ và bầu mới thành viên HĐQT độc lập thay bằng mô hình ban kiểm soát trước đây.

NHỮNG THAY ĐỔI NHÂN SỰ TRONG NHIỆM KỲ

1. Bà Lê Thị Tiến và ông Lê Văn Tiến không là thành viên HĐQT từ ngày 07/12/2018
2. Bà Đỗ Thị Thanh Hà không là Trưởng Ban kiểm soát từ ngày 07/12/2018, giữ chức vụ Kế toán Trưởng kiêm Trưởng phòng TCKT từ ngày 16/01/2019
3. Ông Lê Văn Tân - được bầu bổ sung HĐQT - giữ chức vụ Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị 07/12/2018.
4. Ông Lê Du Phong - Được bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập từ ngày 07/12/2018
5. Bà Lê Thị Huệ - Được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ban kiểm toán nội bộ từ ngày 16/01/2019

TÓM TẮT CHÍNH SÁCH VÀ THAY ĐỔI CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng CBCNV

27%

Đại học - Trên đại học

11%

Cao đẳng

62%

Trung cấp + CNKT

Số lượng lao động - Trình độ lao động:

Năm tài chính 2018/2019, Tổng số lao động toàn Công ty có 691 người, giảm 72 người so với năm trước, tương đương 9,4%; trong đó lao động đại học trở lên là 186 người chiếm 27%; Lao động cao đẳng 76 người chiếm 11%. Lao động trung cấp, công nhân kỹ thuật 429 người chiếm 62%.

Nếu tính theo độ tuổi: Lao động dưới 30 tuổi 90 người chiếm 13%; Lao động từ 30-40 tuổi 212 người chiếm 31%; Lao động từ 40-50 tuổi 333 người chiếm 48% và lao động trên 50 tuổi 56 người chiếm 8%.

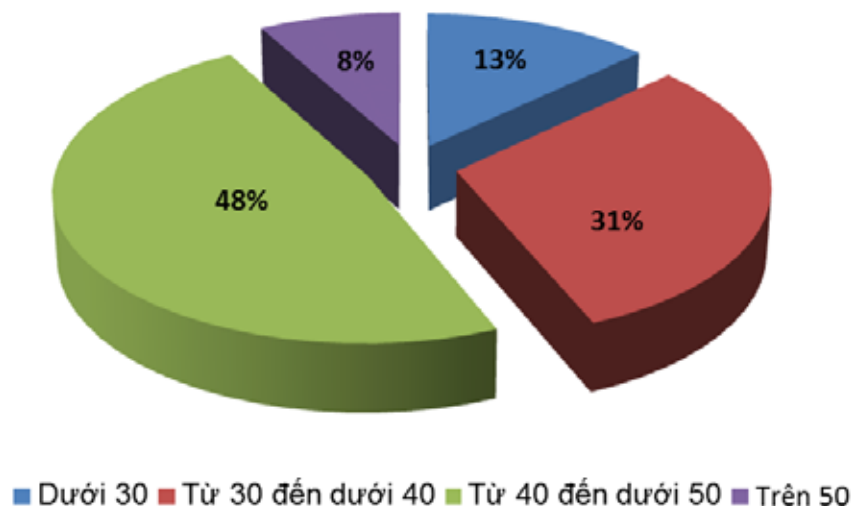
Chính sách với người lao động:

Công ty luôn luôn quan tâm, chú trọng và đảm bảo tốt nhất các điều kiện lao động, việc làm và thu nhập cho người lao động. Cụ thể:

- 100% người lao động được làm việc trong điều kiện trang bị đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân.
- Môi trường làm việc hàng tháng, quý, năm được đánh giá định kỳ và đột suất các nguy cơ rủi ro tiềm ẩn và có phương án cải thiện, khắc phục kịp thời.

- Trong 1 năm người lao động được khám sức khỏe từ 1-2 lần tùy đặc thù từng vị trí công việc. Người lao động được quan tâm bố trí nghỉ ngơi tham quan giải trí, nghỉ dưỡng sức theo quy định của Pháp Luật. Ngoài chế độ tiền lương theo quy định, người lao động được chi thưởng và lương bổ sung vào các dịp lễ tết, ngày truyền thống của đơn vị hoặc quốc gia.

- Việc làm, thu nhập của người lao động được tăng trưởng đảm bảo quy định của pháp luật và phù hợp với tốc độ tăng năng suất lao động; đảm bảo khuyến khích và thu hút, giữ gìn và phát triển nhân sự chất lượng cao.





CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN LAM SƠN

Trụ sở chính: Thôn Đá Dựng - Xã Xuân Phú - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa
 Vốn điều lệ: 15.500.000.000 đồng (Mười lăm tỷ năm trăm triệu đồng)
 Góp vốn của Lasuco: 13.950.000.000 đ, chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty.
 Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2603000123, đăng ký lần đầu ngày 24/12/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa cấp. Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 7 ngày 27/07/2015 với mã số doanh nghiệp là 2800783723.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- ⌘ Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ.
- ⌘ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- ⌘ Kinh doanh, XNK phân bón các loại.
- ⌘ San lấp mặt bằng.
- ⌘ Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi.
- ⌘ Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch.
- ⌘ Xử lý hạt giống để nhân giống.



CÔNG TY TNHH LAM SƠN - SAO VÀNG

Trụ sở chính: Thị trấn Sao Vàng - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa
 Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)
 Góp vốn của Lasuco: 20.000.000.000 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty.
 Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH có hai thành viên trở lên số 2800786957, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/01/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- ⌘ Trồng cây mía; cao su, cây ăn quả và trồng cây hàng năm khác.
- ⌘ Hoạt động dịch vụ trồng trọt.
- ⌘ Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- ⌘ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.
- ⌘ Chế biến và bảo quản rau quả; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp.
- ⌘ Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh và trồng cây lâu năm khác.



CÔNG TY CP ĐTPT LAM SƠN - BÁ THƯỚC

Trụ sở chính: Phố 3 - TT. Cành Nàng - Huyện Bá Thước - Tỉnh Thanh Hóa
 Vốn điều lệ: 18.000.000.000 đồng (Mười tám tỷ đồng chẵn)
 Vốn thực góp: 13.500.000.000 đồng (Mười ba tỷ năm trăm triệu đồng chẵn)
 Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty cổ phần ngày 18/02/2011, mã số doanh nghiệp là 2801664422.
 Góp vốn của Lasuco: 13.500.000.000 đ, chiếm 100% vốn điều lệ thực góp của Công ty

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- ⌘ Trồng cây mía, Trồng cây gia vị, cây dược liệu
- ⌘ Khai thác gỗ, thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác
- ⌘ Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp
- ⌘ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón
- ⌘ Sản xuất đồ gỗ xây dựng, sản xuất bao bì bằng gỗ, sản xuất, sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện.
- ⌘ Khai thác xử lý và cung cấp nước.
- ⌘ Trồng rau, đậu các loại, trồng hoa, cây cảnh, trồng cây hàng năm khác.



CÔNG TY CP NÔNG CÔNG NGHIỆP DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÂN SƠN

Trụ sở chính: Xã Vân Sơn - Huyện Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa
 Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng chẵn)
 Vốn điều lệ thực góp: 11.400.000.000 đồng (Mười một tỷ bốn trăm)
 Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2801751192 ngày 09/12/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.
 Góp vốn của Lasuco: 11.400.000.000 đ, chiếm 100% vốn điều lệ đã góp của Công ty.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- ✧ Trồng cây mía, cây lấy củ có chất tinh bột, rau đậu các loại, trồng hoa, cây cảnh, cây hàng năm khác.
- ✧ Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp.
- ✧ Chăn nuôi trâu bò, lợn, gia cầm và chăn nuôi khác.
- ✧ Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ sau thu hoạch.
- ✧ Xử lý hạt giống để nhân giống, trồng rừng và chăm sóc rừng.
- ✧ Khai thác gỗ, khai thác lâm sản, trừ gỗ.
- ✧ Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp.
- ✧ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khoáng hóa chất và khoáng phân bón.
- ✧ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.
- ✧ Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, rau quả.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CỐNG

Trụ sở chính: Xã Thăng Long - Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa
 Vốn điều lệ: 20.844.000.000 đồng (Hai mươi tỷ, tám trăm bốn triệu đồng chẵn)
 Góp vốn của Lasuco: 11.800.000.000 đ, chiếm 56,61% vốn điều lệ của Công ty.
 Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2800492925 ngày 29/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 05/01/2017.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- ✧ Sản xuất đường, bán buôn tổng hợp, hoạt động dịch vụ trồng trọt.
- ✧ Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (kinh doanh xăng, dầu).
- ✧ Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ.
- ✧ Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- ✧ Trồng cây mía, hoạt động dịch vụ sau thu hoạch.
- ✧ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Kinh doanh máy móc, thiết bị vật tư ngành chế biến đường).
- ✧ Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác.
- ✧ Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- ✧ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa).
- ✧ Sản xuất các cấu kiện kim loại, sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.
- ✧ Rèn, dập, ép và cán kim loại. xử lý và tráng phủ kim loại, sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn.
- ✧ Sửa chữa máy móc, thiết bị, sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm), sửa chữa thiết bị khác.
- ✧ Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, sửa chữa thiết bị điện.
- ✧ Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn và chuyển giao công nghệ trồng mía, giống mía; Tư vấn và chuyển giao công nghệ chế biến đường).
- ✧ Sản xuất các sản phẩm sau đường; Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.



CÔNG TY TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO LAM SƠN

Trụ sở chính: Thị trấn Lam Sơn - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa
Vốn điều lệ: 139.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi chín tỷ đồng chẵn)
Góp vốn của Lasuco: 139.000.000.000 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty.

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2802243177 ngày 23/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Thay đổi lần 1 ngày 11/08/2017

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- ⌘ Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp.
- ⌘ Trồng cây mía.
- ⌘ Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh, trồng cây hàng năm khác.
- ⌘ Trồng cây ăn quả.
- ⌘ Trồng cây lâu năm khác.
- ⌘ Hoạt động dịch vụ trồng trọt, dịch vụ sau thu hoạch.
- ⌘ Trồng cây gia vị, cây dược liệu
- ⌘ Xử lý hạt giống để nhân giống, Chế biến và bảo quản rau quả
- ⌘ Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XNK LAM SƠN

Trụ sở chính: Thị trấn Lam Sơn - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa
Vốn điều lệ: 26.000.000.000 đồng (Hai sáu tỷ đồng chẵn)

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2802449548 ngày 20/03/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- ⌘ Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.
- ⌘ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- ⌘ Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.
- ⌘ Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- ⌘ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- ⌘ Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
- ⌘ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.
- ⌘ Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
- ⌘ Bán buôn thực phẩm, chế biến và bảo quản rau quả.
- ⌘ Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.
- ⌘ Bán buôn gạo, bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; bán buôn đồ uống.



CÔNG TY TNHH THÀNH AN - LAM SƠN

Trụ sở chính: Xã Thọ Xương - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 1.800.000.000 đồng (Một tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn)

Góp vốn của Lasuco: 1.800.000.000 đ, chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty.

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2801078996 ngày 22/11/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 07/06/2016 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Thanh hóa cấp.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- ⌘ Kinh doanh xăng dầu
- ⌘ Chế biến kinh doanh hàng lâm sản, trang trí nội thất.
- ⌘ Vận tải hàng hóa đường bộ
- ⌘ Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng.
- ⌘ Vận tải hành khách bằng xe bus, xe taxi, vận tải khách du lịch.
- ⌘ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng.
- ⌘ Dịch vụ cơ khí, sửa chữa ô tô, kinh doanh phụ tùng ô tô xe máy.
- ⌘ Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống, thể thao giải trí.
- ⌘ Kinh doanh vật liệu xây dựng.

CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LAM SƠN - NHƯ XUÂN

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2801700568 ngày 18/07/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Trụ sở chính: Thôn 8 - Xã Xuân Hòa - Huyện Như Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng chẵn)

Góp vốn của Lasuco: 15.000.000.000 đ, chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- ⌘ Trồng cây mía.
- ⌘ Hoạt động dịch vụ trồng trọt.
- ⌘ Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác.
- ⌘ Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón.
- ⌘ Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.
- ⌘ Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- ⌘ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.
- ⌘ Cửa, xe, bào gỗ và bảo quản gỗ.
- ⌘ Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU VIỆT NAM - THỤY ĐIỂN

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 ngày 20/09/2007 do Ban quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp và chứng nhận thay đổi lần 3 ngày 22/02/2011.

Trụ sở chính: Lô CN - B3 - KCN Phú Nghĩa - Xã Phú Nghĩa - Huyện Chương Mỹ - Tp Hà Nội

Vốn điều lệ: 56.005.000.000 đồng (Năm sáu tỷ, không trăm lẻ năm triệu đồng)

Góp vốn của Lasuco: 21.500.000.000 đ, chiếm 30,71% vốn điều lệ của Công ty

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- ⌘ Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh.
- ⌘ Đóng chai các loại rượu.
- ⌘ Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.
- ⌘ Kinh doanh các loại rượu và đồ uống khác do Công ty sản xuất.
- ⌘ Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

Phát huy truyền thống đơn vị Anh hùng Lao động, LASUCO không ngừng đổi mới sáng tạo nâng cao năng lực cạnh tranh, kiến tạo tương lai bền vững cho sản phẩm dinh dưỡng, thực phẩm - Vì sức khỏe con người; Tập trung vào các ngành cốt lõi: Mía đường - Điện, các sản phẩm sau đường, sản phẩm Nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ cao, phát triển sản xuất theo quy mô tập trung, cơ giới hóa đồng bộ theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển chuỗi giá trị nông, công nghiệp bền vững, xây dựng một số sản phẩm chủ lực mang thương hiệu Xứ Thanh, có hàm lượng công nghệ cao, nâng cao đời sống và việc làm cho người lao động, đảm bảo hài hòa quan hệ lợi ích, thực hiện tốt trách nhiệm với xã hội, góp phần phát triển kinh tế địa phương.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP

1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

Phấn đấu tổng doanh thu Công ty mẹ và các đơn vị thành viên đến năm 2025 đạt trên 6.000 tỷ đồng, lợi nhuận trên 500 tỷ đồng, nộp ngân sách trên 250 tỷ đồng, và thu nhập BQ của CBCN 15 triệu đồng/người/tháng, vốn điều lệ 1.500 tỷ đồng, cổ tức 15-20%, tỷ suất lợi nhuận của nông dân 40%, năng suất đường đạt 12 tấn/ha mía; Ứng dụng kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi số trong thời đại công nghiệp 4.0 giúp giảm chi phí điều hành doanh nghiệp, tăng khả năng cạnh tranh và đưa tới cơ hội phát triển doanh thu 1 tỷ USD vào năm 2030.

2. Nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu:

2.1. Tập trung triển khai 4 Nhóm ngành trọng tâm:

+ NGÀNH MÍA ĐƯỜNG:

Về nguyên liệu mía: Tập trung cao xây dựng và phát triển bền vững vùng nguyên liệu. Thực hiện hợp tác chặt chẽ với 40 xã trọng điểm vùng mía, thay đổi quan hệ sản xuất một cách toàn diện với các HTX nông nghiệp trong vùng, thực hiện đồng bộ các giải pháp về cơ giới hóa nhằm thâm canh, tăng năng suất mía tối thiểu đạt 70 tấn/ha.

Về công nghiệp chế biến: Khai thác có hiệu quả hệ thống thiết bị và công nghệ đã đầu tư và nâng cao công suất đồng phát điện, mục tiêu đến năm 2025 đạt 120.000 tấn đường, phát điện bán lên lưới 100.000.000 KWh. Cụ thể: tập trung vào cơ cấu lại sản phẩm theo chuẩn quốc tế; tiết kiệm năng lượng và NVL trong sản xuất; nâng cao hiệu suất tổng thu hồi và ứng dụng tự động hóa, giảm chi phí nhân công trong nhà máy.

Tập trung chế biến sản phẩm nước tế bào mía dinh dưỡng đóng hộp – sản phẩm cạnh đường, phấn đấu đến năm 2025 đạt sản lượng 120 triệu hộp/năm tạo doanh thu hàng nghìn tỷ đồng.



+ NGÀNH HÀNG THỰC PHẨM VÀ NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO, ĐỒ UỐNG.

Phát triển vùng trồng lúa ứng dụng phương pháp hữu cơ, giảm phát khí thải nhà kính, thân thiện với môi trường. Mục tiêu chiến lược đạt diện tích 10.000 ha, tập trung tại các huyện đồng bằng của Tỉnh Thanh Hóa. Phần đầu đưa nhà máy chế biến lúa gạo đi vào hoạt động từ đầu tháng 3/2020, dần ổn định và nâng cao năng suất đạt mục tiêu 66.900 tấn gạo thương phẩm cung cấp cho thị trường và cung cấp cho sản xuất 120 triệu hộp sữa gạo vào năm 2025.

Thực hiện thành công chiến lược sản xuất giống chất lượng cao, sạch bệnh, quy mô công nghiệp cung cấp cho vùng mía đường Lam Sơn và các vùng miền trong nước; nhân giống và sản xuất rau, hoa, quả chất lượng cao “vì chất lượng cuộc sống”, giá trị gia tăng lớn cung cấp cho thị trường; là đầu mối chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân và xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp sạch- nông nghiệp hữu cơ, gắn với thu mua sản phẩm, bảo quản, chế biến cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Mục tiêu đến năm 2025 đạt 70.000 tấn giống các loại và đạt 70.000 tấn sản phẩm rau, quả.

Phần đầu tỷ trọng doanh thu từ ngành hàng thực phẩm và nông nghiệp công nghệ cao chiếm 35 – 40% doanh thu toàn công ty.



+ NGÀNH LÚA GẠO HỮU CƠ:

Phát triển vùng trồng lúa ứng dụng phương pháp hữu cơ, giảm phát khí thải nhà kính, thân thiện với môi trường. Mục tiêu chiến lược đạt diện tích 10.000 ha, tập trung tại các huyện đồng bằng của Tỉnh Thanh Hóa. Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất chế biến lúa gạo công suất 100.000 tấn sản phẩm/năm, các sản phẩm chế biến sâu như sữa gạo, tinh dầu cám gạo...



+ NGÀNH THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH:

Tập trung mọi nguồn lực để hoàn thiện sớm công tác GPMB và chuẩn bị các điều kiện tốt nhất sớm đưa công viên sinh thái Thanh Tam Ecopark đi vào khai thác sử dụng kết hợp với kinh doanh nhà hàng, khách sạn để góp phần quảng bá thương hiệu Lasuco, nâng cao giá trị doanh nghiệp.



+ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Đổi mới cách làm, chính sách và ứng dụng triệt để CNTT 4.0 trong quản lý và phát triển vùng nguyên liệu linh hoạt, khôi phục lòng tin cho người trồng mía: Ổn định vùng nguyên liệu, nâng cao sản lượng và chất lượng mía; góp phần cải thiện thu nhập và khôi phục lại lòng tin của người nông dân với cây mía.

Thay đổi cách thức tổ chức sản xuất - chế biến hiện đại gắn với cơ chế để giảm chi phí, giảm giá thành và nâng cao hiệu quả, nâng cao khả năng cạnh tranh các sản phẩm của Công ty.

- Thay đổi cung cách quản lý các Nhà máy, đơn vị theo hình thức hoạt động độc lập, tự chủ hạch toán và Thủ trưởng của từng đơn vị là người chịu trách nhiệm đến kết quả, hiệu quả cuối cùng.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, chủ động sáng tạo, tiết giảm tối đa chi phí sản xuất, thực hiện cơ chế mua bán chỉ tiêu nội bộ gắn trách nhiệm với tiền lương, tiền thưởng của cá nhân và đơn vị.

- Tiếp tục các hoạt động cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động từ khâu tiếp nhận mía đến sản phẩm để không để mía lưu bãi quá 12 giờ đồng hồ; Tiết giảm tất cả các vật tư hóa chất; Tiết giảm sử dụng điện, hơi, nước, năng lượng.



Đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, gia tăng các hoạt động kinh doanh thương mại, củng cố và xây dựng thương hiệu phát triển bền vững.

- Đổi mới công tác bán hàng, tiếp cận khách hàng chuyên nghiệp, nhanh nhạy. Đẩy mạnh phát triển kênh phân phối bán buôn bán lẻ, liên tục tìm kiếm khách hàng và mở rộng điểm bán.

- Thúc đẩy và chú trọng phát triển kênh bán hàng thương mại điện tử và thương mại điện tử quốc tế, để tăng cường hoạt động giới thiệu, quảng bá, kết nối bán hàng hướng tới hoạt động xuất nhập khẩu cho các dòng sản phẩm mới.

- Triển khai thực hiện bảo hộ kiểu dáng công nghiệp (Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp) tất cả các sản phẩm, thương hiệu Công ty để bảo vệ tài sản kinh doanh, sản phẩm của Công ty.

Đổi mới, sáng tạo xây dựng lại kiến trúc doanh nghiệp, xây dựng con người mới, cách làm mới để hội nhập thành công trong thế giới phẳng.

- Tái cấu trúc Công ty, chấn chỉnh đổi mới công tác tổ chức quản lý điều hành theo hướng: “đổi mới, sáng tạo”, sắp xếp bố trí đúng người, đúng việc.

- Giao kế hoạch và quyền tự chủ, chủ động sử dụng nguồn lực trong hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh cho các đơn vị.

- Cải tiến, nâng cấp ứng dụng mạnh mẽ áp dụng công nghiệp 4.0 thông qua áp dụng và cải tiến các giải pháp ERP cho quản lý điều hành tổng thể doanh nghiệp, xem xét và ra quyết định chỉ tính bằng giây

- Giải pháp về tài chính

Rà soát và cân đối nguồn lực tài chính cho các dự án, đảm bảo hoạt động diễn ra liên tục không bị gián đoạn do thiếu vốn. Tranh thủ các nguồn vốn ưu đãi của Nhà nước và tận dụng tối đa, bám sát các chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho đầu tư.



CÁC RỦI RO

1. Rủi ro về nguyên liệu và vùng nguyên liệu:

- Rủi ro về thời tiết, khí hậu: Biến đổi khí hậu ngày càng rõ rệt, nhiệt độ tăng dần, hạn hán, lũ lụt phức tạp và xảy ra mới cường độ ngày càng tăng ảnh hưởng tiêu cực đến năng suất, chất lượng mía. Đối với Lasuco vùng mía vẫn chiếm 70% đất đồi nên hạn hán nếu xảy ra rủi ro thiệt hại không nhỏ.

- Rủi ro về chính sách của nhà nước về đất đai giảm diện tích vùng nguyên liệu: Quy hoạch cây trồng khác chồng quy hoạch vùng mía đường, bên cạnh đó quy hoạch đô thị trên vùng mía đường Lam Sơn cũng làm giảm dần diện tích trồng mía; Các dự án mới của Lasuco đã và đang triển khai cũng gắn với đất đai, yếu tố quyết định nguyên liệu vì vậy rủi ro chính sách đất đai là rất lớn.

Việc thu mua, vận chuyển mía, nông sản... và các phế liệu từ nông nghiệp cho sản xuất có rủi ro cao trong lưu thông do hàng cồng kềnh, chi phí vận chuyển quá lớn, nguy cơ tăng chi phí SXKD.

Vùng nguyên liệu của Lasuco có tới 70% diện tích là mía đồi, manh mún, nhỏ lẻ khó áp dụng cơ giới hóa đồng bộ. Với sự hướng các nhà máy công nghiệp giặt may, giày da đưa nhà máy về vùng nông thôn để thu hút lao động phục vụ dây chuyền, nguy cơ thiếu nhân công là hiện hữu và chi phí nhân công tăng cao.

Mặc dù Công ty đã có kế hoạch đưa mía xuống đất thấp nhưng phải triển khai dần trong nhiều năm. Bên cạnh đó nguồn nhân lực của Lasuco để đáp ứng cho các chương trình dự án mới đang là thách thức do đây là ngành mới, yêu cầu cao là điều kiện tiên quyết để đảm bảo triển khai các dự án thành công.

2. Rủi ro về thị trường:

Giá xăng dầu giảm thấp và còn phức tạp, sản xuất ethanol từ mía không hấp dẫn, sẽ sản xuất đường nhiều hơn, rủi ro cung tăng, giá cả sẽ giảm. Mặc dù dự báo cho mùa vụ này mất mùa mía, hạn hán, lũ lụt và dân số thế giới vẫn tăng trưởng nhưng sức mua giảm nên vẫn rủi ro giá đường giảm.

Từ 01/01/2020 hiệu định kinh tế ATIGA có hiệu, Việt nam chính thức bãi bỏ hàng rào về hạn ngạch và thuế quan với các nước Asean, ngành mía đường sẽ chịu tác động trực tiếp từ giá đường thế giới. Giá đường xuống thấp dẫn đến giá thu mua mía chắc chắn sẽ giảm.

Một khi người nông dân không có lãi họ sẽ chuyển sang trồng cây khác. Điều này sẽ gây khó khăn cho nhà máy do thiếu nguyên liệu đầu vào.

Đường nhập lậu từ Thái Lan tràn vào Việt Nam không được kiểm soát đã có ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường trong nước.

3. Rủi ro về pháp lý:

Công ty điều hành hoạt động SXKD dựa trên sự tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành. Những thay đổi về môi trường pháp lý trong các lĩnh vực về thuế, hải quan, môi trường, lao động, tiền lương, chứng khoán yêu cầu công ty luôn phải cập nhật và đánh giá tác động đến các hoạt động SXKD.

4. Rủi ro về tài chính:

Liên quan đến khả năng kinh doanh hiệu quả với chính sách giá bán sản phẩm, dịch vụ; kiểm soát chặt chẽ giá thành, chi phí bộ máy; chi phí tài chính trong bối cảnh thị trường cạnh tranh ở lĩnh vực mà Công ty đang thực hiện hoạt động kinh doanh.





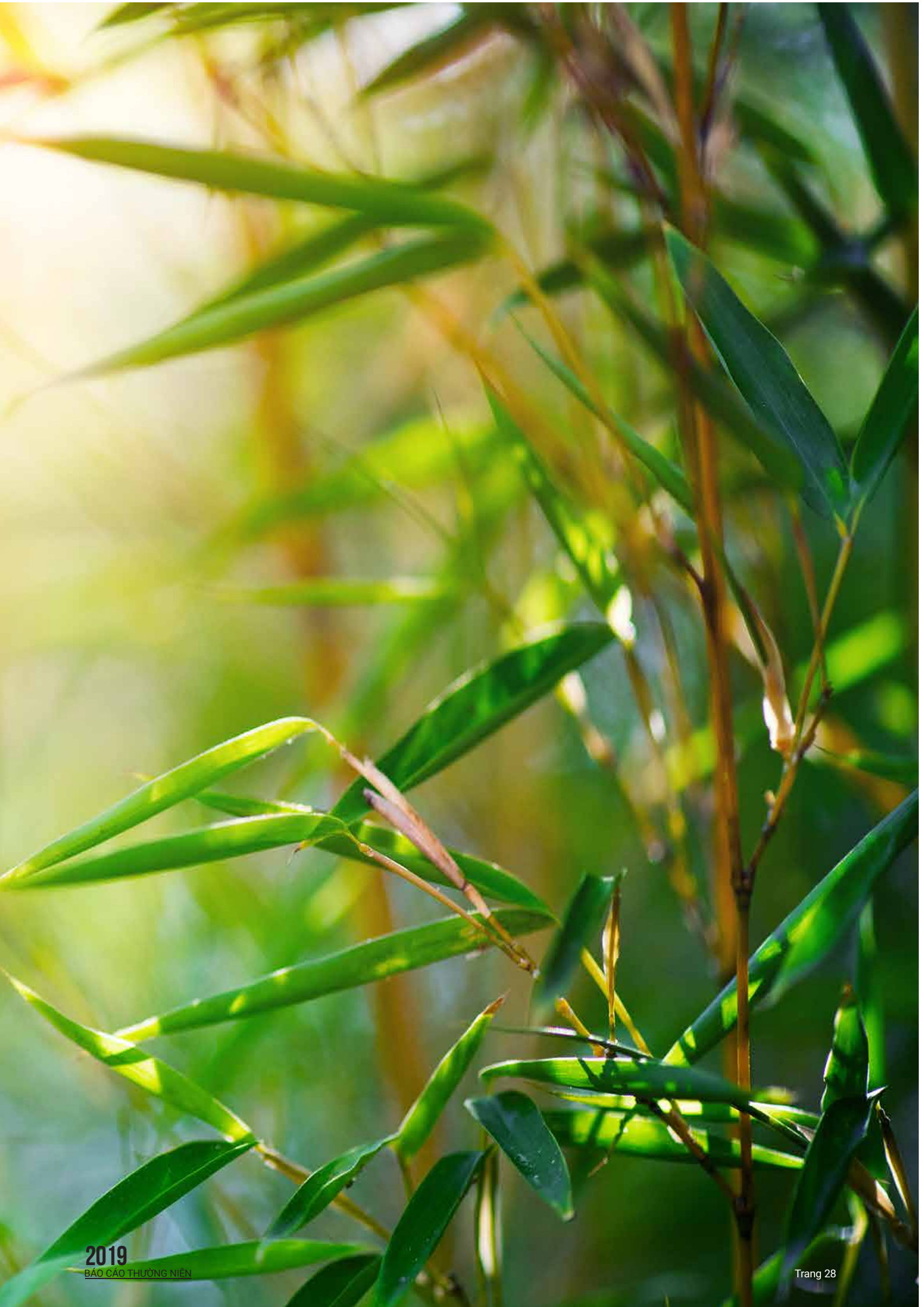
THANH TAM

Trải nghiệm cùng thiên nhiên

CÔNG VIÊN SINH THÁI TRE LUỒNG THANH TAM THANH TAM BAMBOO ECO PARK

Toạ lạc trong tổ hợp Khu du lịch Sinh thái - Tâm linh - Nông nghiệp - Nghỉ dưỡng, Công viên Sinh thái Tre trúc Thanh Tam với diện tích gần 160 ha được ví như HÒN NGỌC XANH của vùng đất Lam Sơn lịch sử, được kỳ vọng sẽ là một điểm đến thu hút khách trong nước và quốc tế trong tương lai.

Located in the complex of eco-spiritual tourism – agriculture – resorts, Thanh Tam Bamboo Ecopark with an area of nearly 160ha is “A GREEN PEARL” in Lam Son historical land, Tho Xuan district, Thanh Hoa province, Vietnam. It is expected to become a very attractive destination for domestic and international visitors in the near future.





2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ◆ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ◆ Tổ chức và nhân sự
- ◆ Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- ◆ Tình hình tài chính

NHỮNG ĐIỂM NHẤN NĂM TÀI CHÍNH 2018 - 2019

1 Ngày 27/09/2018, Tổ chức Lễ khai trương Công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam (*Thanh Tam Bamboo Ecopark*) Đây là dự án có quy mô lớn, ngoài lợi ích về kinh tế, dự án còn mang tính xã hội có vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong đó có du lịch, dịch vụ. Và là công trình có ý nghĩa tri ân, chào mừng Lễ kỷ niệm 600 năm khởi nghĩa Lam Sơn (1418-2018), 590 năm đăng quang của vua Lê Thái Tổ.



2 Tháng 9/2019: Tổ chức thành công chương trình “Hội chợ mùa thu lam kinh 2018” và “Diễn đàn xúc tiến đầu tư và kết nối giao thương”. Hội chợ diễn ra trong 5 ngày từ ngày 27/09 - 01/10/2018, với sự tham gia của 150 đơn vị và 235 gian hàng tiêu chuẩn.

Hội chợ là nơi quy tụ các doanh nghiệp trong cả nước trên các lĩnh vực ngành nghề, giao lưu khởi nghiệp, kết nối đầu tư phát triển kinh tế xã hội, quảng bá tiềm năng, thế mạnh, liên kết các doanh nghiệp; mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm phục vụ khách thập phương hành hương về dâng hương, tham dự lễ hội Lam Kinh 2018 mua sắm.



Trong khuôn khổ của Hội chợ cũng đã tổ chức “Diễn đàn xúc tiến đầu tư - kết nối giao thương” để xúc tiến kêu gọi đầu tư cho các đối tác, các Dự án có tiềm năng trên; Giới thiệu su thế mới trong sản xuất nông nghiệp; Giới thiệu các ứng dụng mới trong sản xuất nông nghiệp; Các chương trình xúc tiến thương mại trong năm 2019 và Ký kết hợp đồng liên kết hợp tác giữa doanh nghiệp với các tổ chức khoa học; Giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp; Giữa doanh nghiệp và nông dân hoặc các HTX để đào tạo, phát triển ứng dụng KHCN sản xuất các sản phẩm mới; liên kết sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao.



3 Đưa Nhà máy sản xuất đường phèn công suất 50 tấn/ngày vào sản xuất.

Sản phẩm đường Phèn là một phần không thể thiếu trong nền ẩm thực đậm đà bản sắc của người Việt, đường phèn là gia vị ngọt tự nhiên được sản xuất từ đường cát trắng nguyên chất theo quy trình truyền thống tỉ mỉ và đòi hỏi kỹ thuật cao. dạng glucose có vị ngọt thanh mát, giải nhiệt tốt cho sức khỏe. Giúp cơ thể thư giãn, giảm căng thẳng, giảm stress nâng cao khả năng của giác quan và sử dụng trong chế biến thực phẩm.



4 Triển khai chuyển giao mô hình sản xuất dưa Kim hoàng hậu trong nhà kính, nhà lưới cho 4 hợp tác xã mía đường.

Tiếp nối chương trình ký kết Hợp tác với các HTX trong vùng nguyên liệu về tiêu thụ sản phẩm nông sản. Trong năm tài chính 2018/2019 Lasuco đã thực hiện đầu tư cho các HTX để triển khai xây dựng nhà kính với tổng diện tích 8100 m². Trong chương trình này, Lasuco đã đầu tư xây dựng toàn bộ cơ sở hạ tầng, giống, vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thực hiện chuyển giao kỹ thuật, công nghệ sản xuất và bao tiêu toàn bộ sản phẩm



5 Thị trường tiêu thụ tiếp tục được củng cố và mở rộng, đặc biệt là kênh Công nghiệp và bán lẻ được đẩy mạnh. Hầu hết các tỉnh từ Đà Nẵng trở ra đều có NPP, điểm bán: Kênh siêu thị (MT) 162 điểm; kênh truyền thống (GT) 596 điểm; kênh khách hàng sản xuất 46 điểm.



6 Các hoạt động chính trị, văn hóa xã hội được giữ vững, đời sống công nhân lao động ổn định, Đảng bộ và các đoàn thể vững mạnh.

Tổ chức vinh danh 600 học sinh là con người trồng mía học giỏi năm học 2018 – 2019, tượng trưng cho 600 năm khởi nghĩa Lam Sơn.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Doanh thu các hoạt động: (ĐVT: Triệu đồng)

Niên độ tài chính 2018/2019 cơ cấu doanh thu của Công ty như sau:

STT	DOANH THU	KH NIÊN ĐỘ 2018 - 2019	TH NIÊN ĐỘ 2018 - 2019	% +/- TH/KH	NIÊN ĐỘ 2017- 2018	% +/- 18/19 SO 17/18
1	Tổng doanh thu	1.600.151	1.449.207	90,57	1.365.687	106,12
-	Đường	1.369.800	1.259.853	91,97	1.184.213	106,39
-	Mật rỉ	105.000	109.149	103,95	50.930	214,31
-	Điện	38.129	37.414	98,12	34.694	107,84
-	Vật liệu xây dựng				30.555	
-	Doanh thu khác	87.222	42.791	49,06	65.295	65,53
2	Doanh thu tài chính	4.342	2.977	68,56	8.563	34,77
3	Thu nhập khác		566		8.737	6,48

Trong cơ cấu doanh thu: đường sản xuất chiếm 63%; đường thương mại chiếm 21%; đường phèn chiếm 3%; mật rỉ chiếm 7%; điện chiếm 2% và các sản phẩm, dịch vụ khác chiếm 4%.

Doanh thu niên độ 18/19 chỉ đạt 1.449 tỷ đồng bằng 90,6% KH năm do các nguyên nhân cơ bản sau:

- Doanh thu các sản phẩm đường giảm 109,947 tỷ đồng tương ứng giảm 8,03% so với kế hoạch
- Doanh thu sản phẩm mật rỉ tăng 4,15 tỷ đồng tương ứng tăng 3,95% so với kế hoạch
- Doanh thu các sản phẩm điện, vật liệu xây dựng và các sản phẩm khác giảm 45,14 tỷ đồng tương ứng giảm 101,38% so với kế hoạch

Cơ cấu chi phí niên độ 2018-2019

ĐVT: Triệu đồng

STT	KHOẢN MỤC PHÍ	KH NIÊN ĐỘ 2018 - 2019	TH NIÊN ĐỘ 2018 - 2019	% +/- TH/KH	NIÊN ĐỘ 2017 - 2018	% +/- 18/19 SO 17/18
1	Giá vốn hàng bán	1.375.090	1.247.553	90,7%	1.164.705	107,1%
2	Chi phí tài chính	39.700	44.043	110,9%	43.371	101,5%
3	Chi phí bán hàng	39.331	30.216	76,8%	31.422	96,1%
4	Chi phí quản lý	41.275	27.046	65,5%	38.906	69,5%

Sản lượng đường tiêu thụ đạt 99,2 so với KH năm nhưng giá vốn hàng bán chỉ bằng 90,7% so với KH;

Chi phí tài chính tăng cao do tăng khoản trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính. CP bán hàng và CP quản lý doanh nghiệp được kiểm soát tốt. CP bán hàng thực hiện chỉ bằng 76,8% KH và bằng 96,2% so với cùng kỳ năm trước. CP quản lý thực hiện chỉ bằng 65,5% KH và bằng 69,5% cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh 2018/2019

ĐVT: Triệu đồng

STT	DOANH THU	ĐVT	KH NIÊN ĐỘ 2018 - 2019	TH NIÊN ĐỘ 2018 - 2019	% +/- TH/KH	NIÊN ĐỘ 2017-2018	% +/- 18/19 SO 17/18
1	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	95.000	28.502	69,9%	34.241	16,76%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	80.750	23.654	70,7%	28.576	17,22%
3	Lãi cơ bản/Cổ phiếu	Đồng		353		136	
4	Nộp ngân sách	Tr đồng	50.000	56.186	12,37%	40.401	39,07%

Lợi nhuận trước thuế cả năm chỉ đạt 28,502 tỷ đồng bằng 63,3% kế hoạch và bằng 83,23% cùng kỳ.

Các khoản đầu tư lớn đến 30/06/2019

ĐVT: đồng

STT	DỰ ÁN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	ĐÃ GIẢI NGÂN ĐẾN 30/6/2019
1	Dự án Công viên sinh thái Tre, Luồng Thanh Tam.	200.000.000.000	99.797.693.506
2	Dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao sản xuất tre ép khối công nghiệp.	60.000.000.000	937.030.345
3	Dự án đầu tư phát triển vùng nguyên liệu Dó bầu gắn với SXKD tinh dầu Tràm và các sản phẩm phụ từ Tràm.	50.000.000.000	8.325.864.612
4	Dự án nuôi cấy mía mô.		15.202.625.481
	Tổng cộng	325.202.625.481	109.060.058.463



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

I. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính:

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	TỪ NGÀY 01/07/2018 - 30/06/2019	TỪ NGÀY 01/07/2017 - 30/06/2018	% TĂNG GIẢM
Tổng giá trị tài sản	2.127,710	2.453,733	(13,29)
Doanh thu thuần	1.378,568	1.301,455	5,93
Lợi nhuận từ HĐKD	32,685	31,613	3,39
Lợi nhuận khác	(4,182)	2,628	(259,13)
Lợi nhuận trước thuế	28.502	34,241	(16,76)
Lợi nhuận sau thuế	23,654	28,576	(17,22)

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu::

CHỈ TIÊU	ĐVT	TỪ NGÀY 01/07/2018 - 30/06/2019	TỪ NGÀY 01/07/2017 - 30/06/2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Khả năng thanh toán hiện hành	lần	3,70	2,65
+ Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,55	0,67
+ Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,19	1,15
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	29,77	37,75
+ Hệ số Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	70,23	62,25
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	lần	3,72	3,1
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	0,64	0,54
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,71	2,19
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,58	1,91
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,11	1,16
+ Hệ số Lợi nhuận trước thuế /Doanh thu thuần	%	2,06	2,63

II. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần:

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất ngày 30/05/2019, vốn điều lệ của Công ty như sau:

Vốn điều lệ của Công ty	700.000.000.000 đồng
Mệnh giá 1 cổ phiếu	10.000 đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	70.000.000 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.994.950 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu quỹ	3.005.050 cổ phiếu
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	5.345.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	64.655.000 cổ phiếu

2. Cơ cấu cổ đông:

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất ngày 30/05/2019, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

CỔ ĐÔNG	SL CỔ ĐÔNG	SL CỔ PHẦN	TỶ TRỌNG
TỔNG CÔNG	2.278	70.000.000	100
CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI	87	1.348.010	1,93
Cổ đông là tổ chức	16	568.019	0,81
Cổ đông là cá nhân	71	779.991	1,11
CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC	2.191	68.651.990	98,07
Cổ đông là tổ chức	38	29.934.635	42,76
Cổ đông là cá nhân	2.153	38.717.355	55,31

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất vào ngày 30/05/2019, Cổ đông nước ngoài nắm giữ 1.348.010 cổ phiếu, tỷ lệ nắm giữ 1,93% với số lượng là 87 cổ đông. Trong đó 16 cổ đông là Tổ chức nắm giữ 568.019 cổ phiếu, tỷ lệ 0,81%, còn lại 71 cổ đông là cá nhân nắm giữ 779.991 cổ phiếu, tỷ lệ 1,11%.

Cổ đông trong nước nắm giữ 68.651.990 cổ phiếu, tỷ lệ nắm giữ 98,07% với số lượng là 2.191 cổ đông. Trong đó 38 cổ đông là Tổ chức nắm giữ 29.934.635 cổ phiếu, tỷ lệ 42,76%, còn lại 2.153 cổ đông là cá nhân nắm giữ 38.717.355 cổ phiếu, tỷ lệ 55,31 %.

3. Danh sách cổ đông lớn sở hữu từ 5% số lượng cổ phiếu trở lên tại thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất ngày 30/05/2019:

STT	CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SL CỔ PHIẾU	TỶ LỆ
1	Hiệp hội Mía đường Lam Sơn	Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa	15.635.190	22,3
2	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và Đầu Tư Thăng Long Hà Nội	Số 6, Ngõ 53 Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam	4.533.116	6,5
3	Nguyễn Thị Phương	458 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	4.461.569	6,9
	Tổng cộng		24.629.875	35,7

4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người nội bộ tại 30/09/2019:

TT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	TỔNG CỘNG	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
A	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Lê Văn Tam	Chủ tịch HĐQT	2.386.180	3,4
2	Lê Văn Tân	Phó Chủ tịch HĐQT	966.360	1,38
3	Lê Trung Thành	Ủy viên HĐQT	1.532.052	2,18
4	Lê Du Phong	Ủy viên HĐQT	0	0
5	Phùng Thanh Hải	Ủy viên HĐQT	5.000	0,01
B	BAN ĐIỀU HÀNH			
1	Lê Văn Phương	Tổng giám đốc	3.130	0,01
2	Nguyễn Duy Thành	Phó TGĐ	4.712	0,01
3	Lê Văn Quang	Phó TGĐ	84.250	0,12
4	Lê Bá Chiêu	Phó TGĐ	52.240	0,07
5	Lê Văn Tân	Phó TGĐ	966.360	1,38
C	BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ			
1	Lê Thị Huệ	Trưởng BKTNB	56.875	0,08
2	Lê Huy Hùng	Thành viên BKTNB	1.000	0,01
3	Đỗ Văn Mạnh	Thành viên BKTNB	21.250	0,03
D	KẾ TOÁN TRƯỞNG			
1	Đỗ Thị Thanh Hà	Kế toán trưởng	5.000	0,01

5. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm công ty không có đợt tăng vốn cổ phần

6. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm không có giao dịch mua cổ phiếu quỹ nào

7. Các chứng khoán khác: không có.





2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



PHẦN III: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- ◆ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh - Tình hình tài chính.
- ◆ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.
- ◆ Kế hoạch phát triển trong tương lai.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài sản:

ĐVT: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	% TĂNG GIẢM	
			GIÁ TRỊ	%
Tài sản ngắn hạn	685.661	978.458	-292.797	-29,92
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.619	9.925	3.694	37,22
Các khoản phải thu ngắn hạn	296.429	559.499	-263.070	-47,02
Hàng tồn kho	369.945	408.062	-38.117	-9,34
Tài sản ngắn hạn khác	5.666	0.972	5.665	584,023
Tài sản dài hạn	1.442.048	1.475.274	-33.226	-2,25
Tổng tài sản	2.127.710	2.453.733	-326.023	-13,28

2. Tình hình nợ phải trả:

ĐVT: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	% TĂNG GIẢM	
			GIÁ TRỊ	%
Nợ phải trả	633.462	926.407	-292.945	(31,62)
Nợ ngắn hạn	573.794	848.835	-275.041	(32,40)
Nợ dài hạn	59.667	77.571	-17.904	(23,08)
Vốn chủ sở hữu	1.494.247	1.527.326	-33.079	(2,17)
Vốn chủ sở hữu	1.467.247	1.493.347	-26.100	(1,75)
Nguồn kinh phí và quỹ khác	27.000	33.978	-6.978	(20,54)
Tổng cộng nguồn vốn	2.127.710	2.453.733	-326.023	(13,29)

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Thực hiện các chế độ đãi ngộ đối với nhân sự chất lượng cao thông qua kết quả đánh giá về nhân sự:
- + Khen thưởng kịp thời những tổ chức và cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong lao động vào dịp hội nghị người lao động hoặc các dịp kỷ niệm hoặc ngày lễ lớn của Công ty..
- + Xây dựng kế hoạch quy hoạch nguồn cán bộ để có chính sách và kế hoạch cụ thể trong công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực ngay trong giai đoạn nửa đầu năm tài chính 2019/2020.
- + Xem xét và bổ nhiệm bổ sung một số vị trí cán bộ có đủ năng lực vào các vị trí quản trị và điều hành (Cán bộ quản lý cấp cao).
- + Chú trọng hoạt động đào tạo, giáo dục nâng cao trình độ nhận thức và kỹ năng chuyên môn góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động.
- Tập trung rà soát xét lại các cơ chế, chính sách chưa phù hợp, đang là tác nhân ảnh hưởng không tốt đến hoạt động SXKD để sửa đổi bổ sung theo hướng tăng cường trách nhiệm, chú trọng kết quả và giảm thiểu thủ tục hành chính để ứng dụng ngay cho năm tài chính 2019/2020 kể từ vụ SX mùa đường 2019/2020.
- Tiếp tục thực hiện cơ chế phân cấp phân quyền, tăng cường hoạt động kiểm tra giám sát, đánh giá dự báo và có giải pháp phòng ngừa ngăn chặn tối đa các rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh.
- Rà soát xét đánh giá lại hoạt động đầu tư, cơ cấu lại hoạt động đầu tư, đảm bảo SXKD có hiệu quả, chấm dứt tình trạng trì trệ, hiệu quả thấp ở một số lĩnh vực đầu tư.
- Tập trung cao và đưa các đơn vị thuộc lĩnh vực kinh doanh mới đi vào hoạt động và hoạt động có hiệu quả.

KẾ HOẠCH SXKD NĂM TÀI CHÍNH 2018/2019

Dự báo niên độ 2019/2020 ngành mía đường tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, đặc biệt lòng tin của người dân với cây mía đang có chiều hướng suy giảm do những thông tin trái chiều... Ngay cả một số ngân hàng cũng loại ngành đường ra khỏi danh mục đầu tư cho vay. Tuy nhiên, những tín hiệu tích cực từ giá đường dự báo sẽ có chiều hướng tăng, kỳ vọng sẽ đạt mốc 14,5c/lb vào đầu năm 2020; Một số vùng nguyên liệu mía các Nhà máy phía Nam đang phải chịu hạn hán, và có đến 70% các Nhà máy đường trong nước có quy mô công suất nhỏ dưới 4.000 TMN, sản phẩm còn đơn điệu; các sản phẩm khác ngoài đường sản xuất từ cây mía chưa được chú trọng... Đây chính là cơ hội lớn để Công ty phát triển trong niên độ 2019/2020 và những giai đoạn tiếp theo.

Trước ngưỡng cửa hiệp định ATIGA có hiệu lực từ 1/1/2020 với mục tiêu, định hướng của HĐQT là phải “thay đổi để tồn tại” và “Phát triển bền vững - vì cộng đồng”, tập trung đổi mới, sáng tạo phát triển ngành nghề cốt lõi mía đường- các sản phẩm sau đường, cạnh đường vững chắc và có hiệu quả làm bản lề cho phát triển các ngành nghề mới, sản phẩm mới lương thực thực phẩm công nghệ cao và sản xuất hữu cơ, sản xuất đồ uống chất lượng vì cuộc sống con người, mở mang ngành thương mại, du lịch dịch vụ nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả cao, nâng giá trị cổ phiếu LSS, thu hút đầu tư phát triển bền vững ... Ban điều hành đã xác định các nguồn lực, mục tiêu và đề ra các giải pháp phát triển cho niên độ 2019/2020 như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH năm 2018/2019	KH 2019/2020	%
1	Doanh thu bán hàng	Tr/đồng	1.449.207	2.500.000	172,5
	<i>Ngành đường</i>	Tr/đồng		1.245.000	
	<i>Ngành lúa gạo + sữa gạo</i>	Tr/đồng		444.600	
	<i>Ngành thương mại</i>	Tr/đồng		479.500	
	<i>Ngành sản xuất nước dinh dưỡng đóng hộp</i>	Tr/đồng		330.000	
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr/đồng	28.502	106.000	371,9
	Cổ tức			10	

NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP

1- Đổi mới cách làm, chính sách và ứng dụng triệt để CNTT 4.0 trong quản lý và phát triển vùng nguyên liệu linh hoạt, khôi phục lòng tin cho người trồng mía.

- Bằng mọi giải pháp phấn đấu vụ 2019/2020 đạt tối thiểu 700.000 tấn mía, chất lượng bình quân từ 9,5 CCS trở lên; Tập trung nâng cao sản lượng và chất lượng mía: Chỉ đạo thúc đẩy chăm sóc, làm cỏ, bón phân, trừ sâu bệnh, tập trung cao cho chăm sóc mía. Chỉ đạo sát sao công tác bón thúc phân cho mía thúc đẩy sinh trưởng, bón phân kết hợp với cày chăm sóc, phấn đấu năng suất bình quân vụ 2019/2020 đạt 68 tấn/ha trở lên.

- Ứng dụng và thông qua CNTT 4.0 để tối ưu hóa giải pháp quản lý, xóa bỏ cơ chế “xin và cho” cầu cấp là “phiếu và lệnh” trong quản lý và điều hành, tạo và củng cố lòng tin cho người trồng mía. Thực thi nghiêm túc công tác thu hoạch vận chuyển cuốn chiếu theo từng khối (Khối Công ty, Khối HTX, Khối địa phương) để bố trí hợp lý phân vùng ưu tiên cho các diện tích mía lớn, và kiểm soát chặt chẽ, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng mía chạy ra ngoài vùng..

- Chuẩn bị kỹ lực lượng cho công tác kiểm tu, sửa chữa máy móc thiết bị cơ giới làm đất, thu hoạch mía, đào tạo bố trí lao động lái máy, bố trí máy phù hợp với thu hoạch theo cụm đảm bảo phối hợp nhịp nhàng, thu hoạch phá gốc đến đầu máy sẵn sàng làm đất đến đó.

- Rà soát xét lại diện tích, chuẩn bị các điều kiện ngọn giống, dịch vụ phấn đấu mục tiêu vụ 2020/2021 đạt tối thiểu 10.000ha, sản lượng 800.000 tấn 10CCS; Tập trung phát triển mía ở xã có diện tích lớn và các xã vùng gần, chủ yếu là 40 HTX trọng điểm đã ký kết hợp đồng với Công ty. Kiên quyết thực hiện chủ trương 3 Không (không có diện tích dưới 1ha, không có mía dưới 10 CCS, không có năng suất dưới 70 tấn/ha). Đối với những hộ, những xã có diện tích nhỏ lẻ, vùng sâu vùng xa có đường giao thông khó khăn không đầu tư thu mua mà chỉ tổ chức ký kết hợp đồng trách nhiệm đảm bảo diện tích, sản lượng mía.

2 - Thay đổi cách thức tổ chức sản xuất - chế biến hiện đại gắn với cơ chế để giảm chi phí, giảm giá thành và nâng cao hiệu quả, nâng cao khả năng cạnh tranh các sản phẩm của Công ty.

- Thay đổi cung cách quản lý các Nhà máy, đơn vị theo hình thức hoạt động độc lập, tự chủ hạch toán và Thủ trưởng của từng đơn vị là người chịu trách nhiệm đến kết quả, hiệu quả cuối cùng; Ứng dụng CNTT để chuyên môn hóa, biến đổi nhanh - ứng dụng các thuật toán, xây dựng kế hoạch hợp lý khoa học, sự chủ động của con người trong sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, chủ động sáng tạo cho sản xuất, tiết giảm tối đa chi phí sản xuất, thực hiện cơ chế mua bán chỉ tiêu nội bộ gắn trách nhiệm với tiền lương, tiền thưởng của cá nhân và đơn vị. Củng cố chất lượng sản phẩm, đảm bảo và đáp ứng tốt nhất yêu cầu của nhà cung cấp là khách hàng sản xuất công nghiệp lớn như Pepsi, Vinamilk; Red Bull; UniBen, URC...linh hoạt điều chỉnh cơ cấu sản phẩm theo nhu cầu đặt hàng từ thị trường.

- Tiếp tục các hoạt động cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động từ khâu tiếp nhận mía đến sản phẩm để không để mía lưu bãi quá 12 giờ đồng hồ; Tiết giảm tất cả các vật tư hóa chất; Tiết giảm sử dụng điện, hơi, nước, năng lượng.

3 - Đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, gia tăng các hoạt động kinh doanh thương mại, củng cố và xây dựng thương hiệu phát triển bền vững.

- Đổi mới công tác bán hàng, tiếp cận khách hàng chuyên nghiệp, nhanh nhạy. Đầy mạnh phát triển kênh phân phối bán buôn bán lẻ, liên tục tìm kiếm khách hàng và mở rộng điểm bán. Có kế hoạch bán hàng cụ thể đến từng điểm, từng khu vực để điều chỉnh kế hoạch một cách linh hoạt nhất khi có biến động từ thị trường. Rà soát lại và đóng cửa những điểm bán không còn hiệu quả để tập trung nguồn lực cho những địa điểm hoạt động hiệu quả hơn, mang lại doanh thu lớn hơn.

- Xây dựng phương án Marketing và bán hàng cho sản phẩm mới: nước mía, sữa gạo để tiếp cận, nắm bắt thị hiếu tiêu dùng và từng bước xâm nhập thị trường, tạo dựng thương hiệu.

- Thúc đẩy và chú trọng phát triển kênh bán hàng thương mại điện tử và thương mại điện tử quốc tế, để tăng cường hoạt động giới thiệu, quảng bá, kết nối bán hàng hướng tới hoạt động xuất nhập khẩu cho các dòng sản phẩm mới.

- Triển khai thực hiện bảo hộ kiểu dáng công nghiệp (Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp) tất cả các sản phẩm, thương hiệu Công ty để bảo vệ tài sản kinh doanh, sản phẩm của Công ty.

4 - Đổi mới, sáng tạo xây dựng lại kiến trúc doanh nghiệp, xây dựng con người mới, cách làm mới để hội nhập thành công trong thế giới phẳng.

- Tái cấu trúc Công ty, chấn chỉnh đổi mới công tác tổ chức quản lý điều hành theo hướng: “đổi mới, sáng tạo”, sắp xếp bố trí đúng người, đúng việc – Xây dựng hệ thống hiệu quả công việc BSC-KPI theo 3 cấp từ mục tiêu Công ty đến mục tiêu đơn vị và mục tiêu cá nhân gắn với hệ thống lương 3P và xây dựng Văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp.
 - Xây dựng lại cơ chế, bộ máy mới, cách làm mới để đáp ứng với yêu cầu mới đảm bảo hệ thống quản lý điều hành được năng động hơn, chủ động và đặc biệt là nâng cao trách nhiệm cá nhân; Giao kế hoạch và quyền tự chủ, chủ động sử dụng nguồn lực trong hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh cho các đơn vị.
 - Thay đổi cơ chế quản trị - quản lý các Công ty con, đơn vị trực thuộc đảm bảo nguyên tắc quản trị, quản lý, giám sát, điều hành hoạt động có hiệu quả để mỗi lĩnh vực điều sinh ra lợi nhuận, trong đó quy định rõ ràng chức năng nhiệm vụ của các phòng chuyên môn trong hoạt động kiểm tra kiểm soát, đánh giá.
 - Cải tiến, nâng cấp ứng dụng mạnh mẽ áp dụng công nghệ 4.0 thông qua áp dụng và cải tiến các giải pháp ERP cho quản lý điều hành tổng thể doanh nghiệp, xem xét và ra quyết định chỉ tính bằng giây.
 - Rà soát xét đánh giá lại lực lượng lao động, bố trí lại lao động giữa các đơn vị đảm bảo tốt nhất cho vụ ép 2019/2020.
- 5-Tập trung cao cho các Dự án và phát triển các sản phẩm mới – Mang lại hiệu quả cao, tạo bước đột phá mới vươn lên trước những khó khăn thách thức mới.

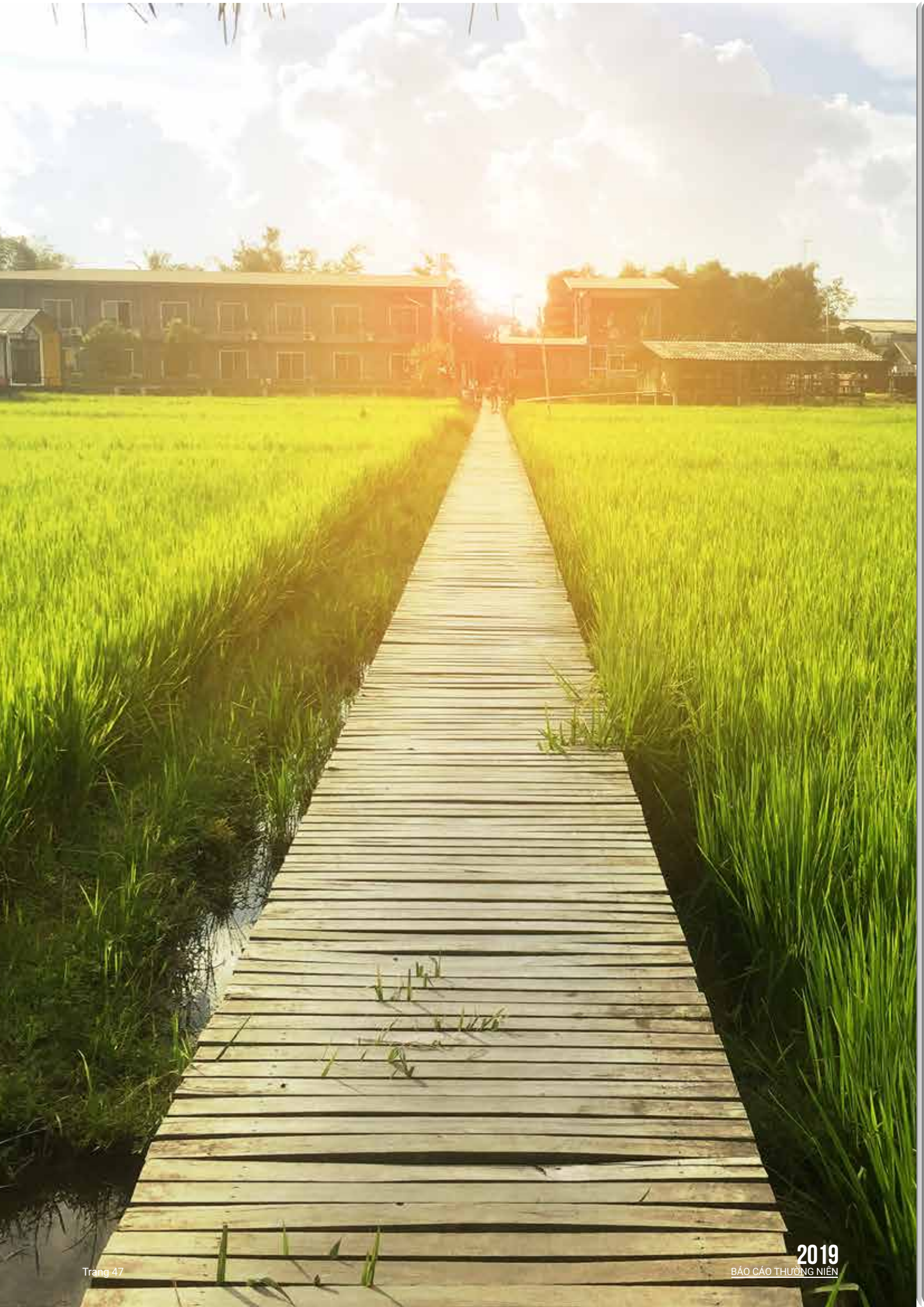
5.1 - Dự án công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam Ecopark:

- Phấn đấu hoàn thành GPMB 2,64ha còn lại ở huyện Thọ Xuân (xã Xuân Phú), lập phương án khoanh vùng, để lại giai đoạn 2 những hộ có đòi hỏi quá cao, không có thiện chí hợp tác tại xã Xuân Bái; Phấn đấu hoàn thành GPMB khu bãi Đoàn và các thủ tục liên quan trước 30/11/2019
- Tập trung thiết kế, tổ chức xây dựng các công trình để đưa vào khai thác sử dụng ngay trước Tết nguyên đán: Nhà hàng, khách sạn 150 phòng, khu nhà cộng đồng và Workshop...
- Chuẩn bị tốt nhất các điều kiện từ việc cấp phép, chuẩn bị các chương trình hoạt động gắn với rà soát xét, thay đổi cơ chế, bổ sung nhân sự Công ty TNHH MTV Du lịch Thanh Tam để thúc đẩy đưa Dự án công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam vào hoạt động từ 1/1/2020.

5.2- Dự án chế biến lúa gạo: Tập trung cao mọi nguồn lực để tiếp nhận mặt bằng sạch trung tuần tháng 11/2019, tổ chức san ủi mặt bằng, lắp dựng nhà xưởng từ đầu tháng 12/2019 và tổ chức nhập khẩu thiết bị, lắp đặt và đào tạo, bố trí nhân lực...đưa nhà máy chế biến lúa gạo Tâm Phú Hưng vào hoạt động từ tháng 3/2020.

5.3- Dự án Máy ép, dây chuyền chế biến nước tế bào mía dinh dưỡng đóng hộp, dây chuyền chế biến sữa gạo: Tập trung cao mọi nguồn lực xây dựng nhà xưởng, lắp đặt thiết bị, chạy nghiệm thu, chạy kiểm tra sản phẩm và bắt đầu sản xuất thương mại từ ngày 4/1/2020 (đối với hệ thống máy ép), từ ngày 5/2/2020 (đối với dự án nước mía và dự án sữa gạo); Dự án sữa gạo đang làm việc với Bộ KHCN: Hoàn thiện hồ sơ, tiến tới ký hợp đồng với bộ KHCN vào tháng 1/2020.

STT	DỰ ÁN	Số tiền dự kiến giải ngân năm 19/20	Tổng mức đầu tư dự kiến
1	Công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam	231 tỷ	200 tỷ
2	Dự án Khu CNC chế biến NSTP Tâm Phú Hưng.	65 tỷ	131,1 tỷ
3	Dự án máy ép, dây chuyền chế biến sữa gạo gắn với SX mía đường	192,8 tỷ	192,8 tỷ
-	<i>Bổ sung máy ép cho nhà máy đường</i>	<i>48 tỷ</i>	<i>48 tỷ</i>
-	<i>Dây chuyền sản xuất sữa gạo</i>	<i>144,8 tỷ</i>	<i>144,8 tỷ</i>
4	Dự án cải tạo NM đường	10 tỷ	21 tỷ
	Tổng cộng	500 tỷ	544,9 tỷ



2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- ◆ Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- ◆ Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty
- ◆ Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2018/2019

Trong năm tài chính, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ mỗi quý một lần và các phiên họp bất thường để triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Tại các cuộc họp, HĐQT đã thông qua kết quả hoạt động SXKD từng quý, xác định kế hoạch chiến lược cho quý tiếp theo và phê duyệt các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

Các Nghị quyết HĐQT được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Danh sách thành viên HĐQT tham gia các buổi họp HĐQT trong năm tài chính 2018/2019 như sau:

TT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP
1	Lê Văn Tam	Chủ tịch HĐQT	4	100%
2	Lê Văn Tân	Phó CTTT HĐQT	2	100%
3	Lê Trung Thành	Phó CTTT HĐQT	4	100%
4	Lê Du Phong	Ủy viên HĐQT	2	100%
5	Phùng Thanh Hải	Ủy viên HĐQT	4	100%

HĐQT đã ban hành 09 Nghị quyết. Trong đó có 4 Nghị quyết kỳ họp định kỳ và các Nghị quyết liên quan đến:

- Nghị quyết về việc thành lập công ty: 01 nghị quyết
- Nghị quyết về việc kêu gọi vốn đầu tư: 01 nghị quyết
- Nghị quyết về việc chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ và chi trả cổ tức: 02 nghị quyết
- Nghị quyết việc lựa chọn Công ty tài chính báo cáo kiểm toán năm 2018-2019: 01 nghị quyết

Và các Quyết định, Thông báo liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Trong năm tài chính 2018/2019, HĐQT đã chỉ đạo và giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị. Ban Tổng giám đốc đã cơ bản hoàn thành việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo đúng định hướng và chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

Ưu điểm: Trong quá trình tổ chức điều hành, Ban điều hành và cán bộ quản lý đã bám sát NQ ĐHĐCĐ, NQ HĐQT và các chính sách của Công ty; Tích cực nỗ lực vượt qua khó khăn, thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD niên độ tài chính 2018-2019, đồng thời triển khai tích cực các dự án: Dự án lúa gạo, tre luồng; phát triển sản phẩm mới. Đặc biệt quyết liệt trong công tác thương mại, tiêu thụ sản phẩm.

Nhược điểm: Vùng nguyên liệu được tổ chức lại tập trung hơn, xây dựng mối quan hệ hợp tác giữa Công ty & Chính quyền các địa phương và người trồng mía được đổi mới nhưng vẫn còn tình trạng nguyên liệu giảm cả về diện tích, sản lượng. Công tác sản xuất, chế luyện: một số chỉ tiêu KTKT vẫn chưa đạt yêu cầu. Công tác triển khai các dự án đầu tư còn chậm so với tiến độ.

Kết quả kinh doanh:

- Doanh thu thuần 1.378,568 Tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 23,654 tỷ đồng
- Chi trả cổ tức năm 2017/2018 là 7%/mệnh giá bằng tiền mặt

Quản trị Công ty

- Quản lý và vận hành công ty theo những thông lệ tốt nhất nhằm đảm bảo hài hòa quyền lợi của cổ đông và người lao động.
- Áp dụng các biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty
- Hoạch định kế hoạch vốn và nguồn vốn đảm bảo sử dụng hiệu quả.

Công bố thông tin

- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cho các cổ đông và cơ quan quản lý theo đúng quy định của pháp luật

Đánh giá chung

Thông qua công tác kiểm tra, giám sát bằng các báo cáo định kỳ của Ban Tổng giám đốc tại các cuộc họp của HĐQT mỗi quý về kết quả kinh doanh, hoạt động điều hành và Quản lý công ty và các báo cáo đột xuất khác khi có yêu cầu. Hội đồng quản trị đánh giá Tổng giám đốc và Ban Tổng giám đốc đã thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT một cách trung thực và cẩn trọng.

III. CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH CÔNG VIỆC TRỌNG TÂM CỦA HĐQT NĂM TÀI CHÍNH 2019/2020

Năm tài chính 2019/2020, Tiếp tục đặt trọng tâm vào công tác nguyên liệu, sản xuất chế biến và công tác thị trường, tiêu thụ sản phẩm. Tập trung phát triển sản xuất theo hướng chế biến sâu, sản xuất các sản phẩm hữu cơ và theo phương pháp hữu cơ có chất lượng cao “Vi chất lượng cuộc sống” và “Vi sức khỏe cộng đồng”.

Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2019/2020 của toàn Công ty làm cơ sở giao kế hoạch cho các đơn vị thực hiện.

Hội đồng quản trị thống nhất với các nội dung đánh giá và kế hoạch hoạt động trong thời gian tới mà Ban điều hành đã xây dựng. Với một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Ngành mía đường

Về nguyên liệu mía: Tập trung chăm sóc, thu hoạch mía vụ 2019/2020 phấn đấu đạt 700.000 tấn mía tươi, mía sạch, có chất lượng từ 9,5 CCS trở lên. Đồng thời tập trung cao xây dựng và phát triển bền vững vùng nguyên liệu. Thực hiện đồng bộ các giải pháp về cơ giới hóa nhằm thâm canh, tăng năng suất và chất lượng nguyên liệu. Tiếp tục hợp tác chặt chẽ với 40 xã trọng điểm vùng mía, thay đổi quan hệ sản xuất một cách toàn diện với các HTX nông nghiệp trong vùng. Về công nghiệp chế biến: Nâng cao chất lượng sản phẩm theo chuẩn quốc tế và định hướng hữu cơ; Tiết kiệm năng lượng và NVL trong sản xuất chế biến; Nâng cao hiệu suất tổng thu hồi và ứng dụng tự động hóa, Công nghệ 4.0 trong sản xuất chế biến. Tập trung chế biến sâu các sản phẩm phụ từ mía đường nhằm gia tăng chuỗi giá trị & hiệu quả SXKD mía đường.

Đầu tư xây dựng Nhà máy nước dinh dưỡng tế bào đóng hộp chiết xuất từ mía với công suất 100 tấn/ngày chạy song song cùng với nhà máy đường trong vụ ép, cho ra 35 triệu hộp mỗi năm. HĐQT nhấn mạnh tầm quan trọng của dự án và đánh giá đây là hướng đi mới cho ngành mía đường để gia tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

2. Ngành Nông nghiệp CNC

Tiếp tục sản xuất mía giống chất lượng cao, sạch bệnh, quy mô công nghiệp cung cấp cho vùng mía và các vùng khác; Nhân giống và sản xuất chế biến rau, hoa, quả cao cấp; Phát triển thương hiệu sản phẩm Nông nghiệp hữu cơ cung cấp các sản phẩm chất lượng cho thị trường trong nước và quốc tế.

3. Ngành lúa gạo hữu cơ

Phối hợp với địa phương phát triển vùng nguyên liệu lúa định hướng hữu cơ. Đẩy nhanh tiến độ dự án Khu CNC chế biến Nông sản thực phẩm Tâm Phú Hưng: Tập trung triển khai san lấp mặt bằng, thiết kế, thi công và lắp đặt dây chuyền xay sát chế biến lúa gạo với công suất 20.000 tấn lúa/năm. Tiếp tục nghiên cứu cho ra đời các sản phẩm mới, các sản phẩm chế biến sâu như tinh dầu cám gạo, thực phẩm chế biến từ gạo...

Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất sữa gạo tiệt trùng đóng hộp công suất 100 tấn/ngày, sản xuất trong 45 ngày với sản lượng dự kiến 20 triệu hộp sữa gạo dạng lỏng để đảm bảo gia tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

4. Ngành Tre luồng và công viên sinh thái tre luồng

Tập trung các điều kiện hoàn thiện GPMB và tổ chức thi công xây dựng đồng thời hoàn thiện bộ máy vận hành của Công ty Du lịch Thanh Tam để đẩy nhanh tiến độ vận hành, khai thác các công trình trọng điểm.

5. Công tác thương mại và thị trường

Tiếp tục xây dựng và mở rộng các kênh bán buôn, kênh bán lẻ, hệ thống NPP; Củng cố và phát triển mối quan hệ với các bạn hàng trong nước và quốc tế.

Đối với thương mại tiêu thụ các sản phẩm mới: Đẩy mạnh công tác thị trường, mở rộng mạng lưới tiêu thụ và xây dựng kế hoạch truyền thông, marketing cho các sản phẩm mới: nước dinh dưỡng tế bào, sữa gạo,... của Công ty.

6. Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn bó với Công ty

Tiếp tục rà soát xét, tinh giản lực lượng lao động, phân bổ lại nguồn nhân lực phù hợp. Tiếp tục tuyển chọn & đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt cho các lĩnh vực mới như tre luồng, du lịch, thương mại XNK. Xây dựng đội ngũ người lao động chuyên sâu hơn, hợp tác - năng động, sáng tạo và tâm huyết.

Đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận, có đủ năng lực, trình độ và phẩm chất để đóng góp cho sự phát triển của Công ty trong tương lai.

7. Giải pháp về Công tác quản lý-quản trị

Rà soát hoàn thiện theo Điều lệ & quy chế quản trị Công ty và đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn mới.

Tiếp tục rà soát xét tổng thể các nguồn lực của Công ty và các Đơn vị thành viên; Phát huy hiệu quả các dự án đã đầu tư;

Tiếp tục triển khai phân cấp, phân quyền về quản lý, nâng cao trách nhiệm của Đơn vị; Hoạt động có hiệu quả trên cơ sở gắn trách nhiệm với quyền lợi, phát huy tính chủ động - tự chủ.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM TÀI CHÍNH 2018/2019

Thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý theo điểm b điều 134 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018/2019 của Công ty ngày 07/12/2018. Tháng 1/2019 Hội đồng quản trị đã thành lập và ổn định hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ (KTNB), bổ nhiệm các chức danh KTNB và ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban KTNB” thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo hoạt động SXKD đúng quy định và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết HĐQT.

Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ và các quy định hiện hành:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA KTNB:

1. Xây dựng kế hoạch/chương trình kiểm tra, kiểm toán theo phê duyệt của Hội đồng quản trị. Triển khai thực hiện chức trách nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, điều lệ, quy chế và quy định của Công ty.

2. Trực tiếp và phối hợp với các đơn vị kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ và các quy định quản lý nội bộ của Công ty.

3. Giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ; Nghị quyết của HĐQT. Thực hiện kế hoạch SXKD năm đã được ĐHĐCĐ giao

4. Thẩm định, đánh giá báo cáo tài chính quý do Công ty lập, báo cáo tài chính soát xét bán niên; báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn phát triển vốn.

5. Kiểm toán hoạt động một số Công ty con 100% vốn, Công ty, đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc. Thẩm định các hạng mục xây dựng theo yêu cầu của HĐQT/Chủ tịch HĐQT

6. Đề xuất các giải pháp khắc phục những vấn đề trong quá trình kiểm toán. Giám sát theo dõi việc khắc phục những tồn tại.

7. Tham dự các phiên họp HĐQT, Ban điều hành liên quan đến công tác kiểm toán nội bộ. Trao đổi, phối hợp với Ban Tổng giám đốc, các đơn vị có liên quan trong việc theo dõi, kiểm soát hoạt động của Công ty

8. Định kỳ thực hiện và gửi báo cáo theo quy định tại quy chế KTNB tới HĐQT. Các kiến nghị của KTNB đã được HĐQT xem xét nghiên cứu thực hiện

9. Các thành viên KTNB thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng



II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH - GIÁM SÁT:

1. Thẩm định báo cáo tài chính 2018/2019 đã được kiểm toán bởi E&Y. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính, tài sản, công nợ, tiền vốn của Công ty tại ngày kết thúc năm.

2. Đánh giá tình hình thực hiện một số chỉ tiêu chính của Công ty trong báo cáo tài chính tại 30/06/2019 đã được kiểm toán. Đánh giá tình hình thực hiện một số chỉ tiêu chính so với nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2.1 Một số chỉ tiêu tài chính

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Số cuối kỳ 30/06/2019	Số đầu năm 30/06/2018
I	Tổng tài sản	Tr.đồng	2.127.710	2.453.733
1	Tài sản ngắn hạn	Tr. đồng	685.661	978.458
2	Tài sản dài hạn	Tr. đồng	1.442.048	1.475.275
3	Lợi thế thương mại	Tr. đồng		
II	Tổng nguồn vốn	Tr. đồng	2.127.710	2.453.733
1	Nợ phải trả	Tr. đồng	633.462	926.407
2	Nguồn vốn Chủ sở hữu	Tr. đồng	1.494.247	1.527.326
3	Lợi ích cổ đông thiểu số	Tr. đồng		
III	Khả năng thanh toán			
1	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3,70	2,65
2	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,19	1,15
IV	Cơ cấu tài sản			
1	Tài sản ngắn hạn	%	32,22	39,88
2	Tài sản dài hạn	%	67,78	60,12
V	Cơ cấu nguồn vốn			
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	29,77	37,76
2	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	70,23	62,24
VI	Khả năng sinh lời			
1	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	23.654	28.576
2	ROE (LNST/Vốn chủ sở hữu)	%	1,58	1,87
3	ROA (LNST/Tổng tài sản)	%	1,11	1,16

- Nguồn vốn của Công ty tại 30/06/2019 là 2.127,7 tỷ đồng. Trong đó: Nguồn vốn ngắn hạn 573,8 tỷ đồng, Nguồn vốn dài hạn 1.553,9 tỷ đồng
- Tài sản 2.127,7 tỷ đồng. Trong đó: Tài sản ngắn hạn 685,7 tỷ đồng, tài sản dài hạn với giá trị 1442 tỷ đồng
- Hệ số tài trợ tài sản dài hạn 1,078 lần. Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn 1,19 lần. Vốn lưu động ròng 112 tỷ đồng
- Cơ cấu nguồn vốn tại 30/06/2019 có sự thay đổi so với đầu năm, theo hướng giảm nợ phải trả từ 37,76%, còn 29,77% ở cuối năm. Vốn chủ sở hữu tăng từ 62,24% lên 70,23%. Khả năng thanh toán hiện hành được cải thiện từ 2,65 lần lên 3,36 lần

2.2 Tình hình thực hiện kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM	THỰC HIỆN	TH SỐ KẾ HOẠCH	
					GIÁ TRỊ	% KH
1	Doanh thu có VAT	Tr.đồng	1.600.000	1.449.207	(150.793)	90,57
2	Doanh thu thuần	Tr.đồng	1.525.000	1.378.568	(146.432)	90,40
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	95.000	28.502	(66.498)	30,00
4	Tỷ suất lợi nhuận/DT	%	5,94	1,95	(3,99)	32,83

Doanh thu có VAT năm 2018/2019 đạt 1.449 tỷ đồng bằng 90,56% kế hoạch năm. Doanh thu thuần đạt 1.378 tỷ đồng, bằng 90,40% kế hoạch năm.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH, THÔNG BÁO CỦA HĐQT:

1. Tổ chức họp và ban hành các quyết nghị, quyết định, thông báo

- Hội đồng quản trị đã hoạt động theo đúng điều lệ, Luật Doanh nghiệp, Quy chế quản trị của Công ty.
 - Các cuộc họp của HĐQT được thực hiện theo đúng quy định. Năm 2018/2019 HĐQT đã bám sát Nghị quyết Đại Hội Đồng cổ đông và tình hình thực tế của Công ty đề ra và triển khai các Nghị quyết thực hiện. Hội đồng quản trị đã ban hành 04 quyết nghị tại các phiên họp HĐQT định kỳ hàng quý. Ban hành các quyết định, thông báo thuộc chức trách, nhiệm vụ của HĐQT để chỉ đạo, quản lý, giám sát hoạt động của toàn Công ty

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của HĐQT

- Sửa đổi điều lệ, quy chế quản trị của Công ty. Quy chế hoạt động của HĐQT, Phân công nhiệm vụ trong HĐQT; Quy chế hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ để tiếp tục nâng cao chất lượng quản lý đối với hoạt động sản xuất kinh doanh; Tập trung cao cho công tác Cơ cấu quản lý, cơ chế quản lý tại LASUCO. Đánh giá, cơ cấu lại các Công ty con, Các Công ty, đơn vị thành viên. Rà soát xét đánh giá lại hoạt động đầu tư, cơ cấu lại các khoản đầu tư hiệu quả thấp

- Cơ cấu lại quản lý, phân cấp hạch toán các Nhà máy đường cát – đường phèn Nhà máy điện. Tập trung cao vụ ép 2018/2019; Tổ chức lại Công ty nguyên liệu trên cơ sở sáp nhập: Xí nghiệp cơ giới NN Lam Sơn, Trung Tâm Giống mía thành lập Công ty TNHH MTV Nguyên Liệu Lam Sơn. Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Nguyên liệu, Quy chế tổ chức hoạt động của XN sản xuất giống mía Lam Sơn. Bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Công ty. Thông qua kế hoạch các nhiệm vụ trọng tâm của Công ty Nguyên liệu từ tháng 07/2019 đến trước vụ ép 2019/2020

- Quyết định rà soát lại các quy trình, hướng dẫn thực hiện công việc, sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý, quản trị theo hướng tăng cường trách nhiệm, chú trọng kết quả và giảm thiểu thủ tục hành chính để ứng dụng ngay cho năm tài chính 2019/2020.

- Thực hiện cơ chế phân cấp phân quyền, tăng cường hoạt động kiểm tra giám sát, đánh giá dự báo và có giải pháp phòng ngừa ngăn chặn tối đa các rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh; Tập trung vào việc đánh giá tại toàn bộ hệ thống CNTT, Hệ thống ERP để có sự thay đổi cho phù hợp, đáp ứng yêu cầu quản trị hiệu quả của Công ty; Đánh giá nhân sự toàn Công ty, kế hoạch quy hoạch nguồn cán bộ.

- Tập trung nghiên cứu cho việc phát triển các sản phẩm mới phù hợp với ưu thế của LASUCO, gia tăng giá trị, đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Tập trung các giải pháp cho hoàn thành kế hoạch SXKD 2019/2020 bắt đầu ngay từ quý I/2019.2020 (đặc biệt là chỉ đạo hoạt động thương mại – tiêu thụ sản phẩm) trong điều kiện có nhiều vấn đề khác thường tác động đến ngành mía đường trong thời gian gần đây

- HĐQT đã hoạch định chiến lược phù hợp, chỉ đạo hoạt động SXKD đạt hiệu quả đảm bảo lợi ích khách hàng

- Cổ đông - Người lao động - v Ngân sách Nhà nước.

IV. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

- Kiên định mục tiêu phát triển an toàn, hiệu quả, bền vững
- Rà soát đánh giá quy mô, tốc độ tăng trưởng của từng nhóm ngành, lĩnh vực về doanh thu và hiệu quả để từ đó có các giải pháp cụ thể
- Tăng cường hoạt động thương mại, marketing cho các sản phẩm của Công ty
- Sớm đưa phần mềm hỗ trợ hoạt động SXKD, quản trị doanh nghiệp
- Hoàn thiện các chương trình tái cấu trúc Công ty theo hướng tinh gọn – hiệu quả. Hoàn thiện hệ thống quản lý nhân sự.

V. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2019/2020

- Xây dựng kế hoạch kiểm toán năm/quý dựa trên định hướng rủi ro một cách linh hoạt. Trình kế hoạch cùng cập nhật kết quả hoạt động kiểm toán định kỳ tới HĐQT/Chủ tịch HĐQT xem xét phê duyệt.
- Thực hiện kế hoạch kiểm toán năm/quý đã được phê duyệt, bao gồm bất cứ nhiệm vụ hoặc dự án nào do HĐQT/Chủ tịch HĐQT chỉ định.
- Phối hợp cùng HĐQT, Ban điều hành hoàn thiện hệ thống các quy định, quy chế, quy trình quản trị nội bộ Công ty
- Giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của HĐQT và các quy định, quy trình quản lý nội bộ Công ty.
- Các giải pháp cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019/2020. Các giải pháp hoàn thành các mục tiêu ĐHCĐ giao
- Kiểm toán hoạt động một số Công ty con 100% vốn, một số đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc.
- Kiểm toán vốn – Nguồn vốn – cơ cấu vốn Công ty mẹ LASUCO.
- Tham gia phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban điều hành cũng như các phòng ban để giám sát các hoạt động của Công ty
- Ngày 22/01/2019 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 05/2019/NĐ-CP về Kiểm toán nội bộ, Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2019. Căn cứ vào các quy định của Pháp luật về KTNB và thực tế tại Công ty. Ban KTNB sẽ rà soát trình HĐQT xem xét phê duyệt điều chỉnh bổ sung Quy chế, quy trình KTNB, Phương pháp, cách thức thực hiện công việc kiểm toán đảm bảo chất lượng, hiệu quả hoạt động KTNB.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH

1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

HỌ TÊN	LƯƠNG		THÙ LAO		TỔNG CỘNG
	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN(đ)	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN(đ)	
Hội đồng quản trị		1.662.223.933		545.000.000	2.207.223.933
Ông Lê Văn Tam	82,43	844.442.542	17,57	180.000.000	1.024.442.542
Ông Lê Văn Tân	85,28	405.688.388	14,72	70.000.000	475.688.388
Ông Lê Trung Thành	79,23	412.093.003	20,77	108.000.000	520.093.003
Ông Lê Du Phong				91.000.000	91.000.000
Ông Phùng Thanh Hải				96.000.000	96.000.000

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG GIẢM
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	
1	Lê Văn Tam	Chủ tịch HĐQT	2.066.930	2,95	2.386.180	3,4	Tăng do mua thêm Cổ phiếu

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm không có HĐ hoặc giao dịch mua cổ phiếu nào với cổ đông nội bộ

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

LASUCO luôn tuân thủ các quy định, pháp luật hiện hành liên quan đến quản trị Công ty và Công bố thông tin, bao gồm:

- Luật Doanh nghiệp 2014
- Luật chứng khoán 2006 và Luật chứng khoán sửa đổi bổ sung năm 2010.
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/07/2017 hướng dẫn về quản trị công ty.
- Thông tư 155/2015/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên TTCK.

Và các quy định nội bộ như sau:

- Điều lệ Công ty
- Quy chế Quản trị Công ty

Năm tài chính 2018/2019, Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty và thực hiện công bố thông tin đầy đủ, đúng quy định về tình hình hoạt động SXKD cho cổ đông, cơ quan quản lý và các bên liên quan dựa trên cơ sở minh bạch, chính xác và kịp thời.

Thành viên HĐQT độc lập: ĐHCĐ của công ty niên độ tài chính 2018/2019 diễn ra vào ngày 07/12/2018 đã bầu ông Lê Du Phong là thành viên HĐQT độc lập.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong những năm gần đây, định hướng phát triển bền vững ngày càng trở nên quan trọng trong chiến lược phát triển các hoạt động SXKD của Công ty. Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp gắn liền với nông nghiệp, nông thôn LASUCO ưu tiên việc tập trung cho các hoạt động kinh doanh gắn với các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường. Đây là các yếu tố cần thiết đối với tính bền vững của Công ty trong dài hạn. LASUCO tuân thủ nghiêm các yêu cầu công bố được liệt kê trong “Hướng dẫn Báo cáo phát triển bền vững”.

1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu đưa vào sản xuất

Nguyên liệu chính đưa vào sản xuất của Công ty là mía cây. Trong năm tài chính 2018/2019 Công ty đưa vào ép 686.862 tấn mía cây.

Bã mía thu hồi trong quá trình sản xuất đã được sử dụng 100% dùng làm nguyên liệu đốt lò hơi, cấp hơi và phát điện phục vụ sản xuất và bán lên lưới điện quốc gia.

Tro, bùn thu hồi sau đốt lò được tái sử dụng 100% để sản xuất phân bón cung cấp cho vùng nguyên liệu mía đường Lam Sơn và phục vụ các cây trồng khác.

Bên cạnh đó, nước thải đã xử lý đạt tiêu chuẩn đã tái sử dụng 70% lưu lượng xả thải bơm quay lại phục vụ sản xuất.

2. Tiêu thụ năng lượng

Nguồn năng lượng sử dụng cho các hoạt động sản xuất tại LASUCO trực tiếp từ nguồn điện tự phát và nguồn điện lưới quốc gia.

Bã mía trong quá trình sản xuất đường, lượng bã mía thải ra hằng ngày là rất lớn. Nếu lượng chất thải này không được xử lý, thải ra môi trường sẽ là nguồn gây ô nhiễm. Trong quá trình phân hủy, bã mía tạo thành các khí CH₄, CO₂, NH₃ và hơi nước. Đây là các khí có khả năng gây hiệu ứng nhà kính, làm tăng nhiệt độ của trái đất. Về bản chất hóa học, bã mía có thành phần chủ yếu là xenlulô, có tỷ lệ C – H – O cao; bên cạnh đó, nhiệt trị của bã mía tương đối cao. Sử dụng bã mía làm nhiên liệu cho lò hơi, phát nhiệt điện đã giải quyết được nhiều vấn đề:

- **Về mặt môi trường:** việc không thải bã mía ra môi trường hạn chế vấn đề ô nhiễm chất thải rắn, ô nhiễm đất, ô nhiễm nguồn nước. Công ty không phải sử dụng nhiên liệu cho nhiệt điện, cấp năng lượng cho chế biến đường, ít gây ô nhiễm môi trường không khí.

- **Về tài nguyên:** Tận dụng, tái tạo chất thải làm nguyên liệu cho ngành sản xuất khác là một nguyên lý cơ bản của sản xuất sạch hơn, góp phần tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

- **Về kinh tế:** Giảm được chi phí xử lý chất thải, giảm thiểu chi phí điện năng cho sản xuất, thu được lợi nhuận từ việc bán điện. Chủ động được nguồn điện năng, hạn chế tác động do mất điện không ảnh hưởng đến sản xuất của Công ty.

- **Về mặt xã hội:** Người dân không phàn nàn về tình trạng ô nhiễm môi trường do tác động của chất thải rắn trong sản xuất đường.

Vì vậy Công ty đã sử dụng bã mía sau sản xuất đường làm nhiên liệu sạch phát điện, nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho sản xuất của nhà máy và phần còn lại cung cấp cho điện lưới quốc gia.

Công ty đã được cấp chứng nhận về giảm phát khí thải – CDM

3. Tiêu thụ nước

3.1. Đối với môi trường khai thác nước mặt

Thực hiện giấy phép khai thác nước mặt số 94/GP-UBND ngày 17/06/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa, LASUCO đã tổ chức khai thác đúng mục đích, nguồn nước, vị trí, lượng nước, phương thức khai thác và sử dụng. trong Công ty. Đảm bảo nguồn nước khai thác được bảo vệ, sử dụng trong giới hạn cho phép, đúng mục đích, hợp lý, hiệu quả và tiết kiệm.

Nguồn nước khai thác: Sông Nông Giang thuộc hệ thống thủy nông Sông Chu. Để tiến hành khai thác, Công ty Thủy nông Sông Chu (đơn vị quản lý) đã lắp đặt hệ thống đo lưu lượng và tính toán chốt công tơ theo tháng, quý đối với Công ty.

Nguồn nước được sử dụng để sản xuất đường, tưới mía giống và sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên trong Công ty.

Lượng nước sử dụng: Tổng lượng nước sử dụng: 749.444 m³

Tổng lượng nước tái chế và sử dụng: 524.611 m³ (tỷ lệ 70%).

Chất lượng nguồn nước: Do hệ thống sông Nông Giang chủ yếu làm nhiệm vụ tưới nên chế độ thủy văn (mực nước, lưu lượng nước) phụ thuộc vào sự điều tiết của trạm thủy nông Bái Thượng cho nhu cầu sử dụng nước ở hạ lưu. Nguồn nước sau khi đưa về Công ty được xử lý qua hệ thống xử lý mới đưa vào dây chuyền sản xuất và sinh hoạt.

3.2. Đối với môi trường nước thải: Thực hiện giấy phép xả thải vào nguồn nước số 366/GP-UBND ngày 6 /12/2018 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Thanh Hóa. Thời hạn của giấy phép là 10 năm kể từ ngày ký do UBND Tỉnh Thanh Hóa cấp phép. Với 3 cửa xả thải tại Khu 6 Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa.

Trong quá trình sản xuất, LASUCO đã không ngừng cải tiến hệ thống xử lý nước, tái sử dụng với tỷ lệ cao để hạn chế nước thải ra môi trường

Giải pháp: Tái sử dụng nước thải sau xử lý

*** Thực trạng của Công ty:** Nguồn nước cấp dùng trong công nghệ chế luyện đường, nước thải ra được phân thành 2 nguồn chính.

- Nguồn thải sau khi thu gom, lắng thải ra mương thoát nước phía Nam- nguồn nước này được thải ra môi trường trong vụ ép từ đầu tháng 1 năm này đến giữa tháng 4 năm sau, với lưu lượng 776 m³/ngày đêm. Nguồn nước có chỉ số ô nhiễm giới hạn không vượt quá giá trị quy định tại QCVN 40:2011/BTNMT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, Kq = 0,9 và Kf = 1,1) bao gồm các nguồn nước: nước ngưng, nước tạo chân không, nước làm mát máy....

- Nguồn nước lưu lại để xử lý trong hệ thống xử lý của nhà máy là 1800 m³/ngày đêm, có chỉ số ô nhiễm cao, giá trị COD > 75mg/l, được lưu lại để xử lý trong hệ thống xử lý hiện có do Công ty AQUA CHEMICAL MFG LTD Ấn Độ thiết kế về xây dựng, sau đó được xử lý tiếp trong 5 hồ sinh học (với tổng diện tích 46.830m², tương đương 243.459,5 m³).

*** Mục tiêu của phương án:**

- + Nhằm tiết kiệm nước sử dụng trong chế luyện đường.
- + Giảm chi phí tiền nước trong việc khai thác nước mặt tại kênh Nông Giang.
- + Giảm thiểu được lượng nước thải ra môi trường.
- + Làm chậm quá trình suy kiệt trữ lượng và chất lượng nguồn tài nguyên nước.
- + Giảm chi phí phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp:

4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Thực hiện theo các quy định, nghị định mà nhà nước ban hành.

- Đầy đủ giấy phép như: Giấy phép khai thác nước mặt, Giấy phép xả thải vào nguồn nước, sổ đăng ký chủ nguồn thải, hợp đồng xử lý chất thải nguy hại.

- Báo cáo định kỳ gửi cơ quan chức năng.

- Thuê cơ quan chức năng giám sát phân tích các chỉ tiêu môi trường không khí, môi trường nước hàng tháng có kết quả gửi cơ quan chức năng.

- Nộp lệ phí bảo vệ môi trường đầy đủ cho cơ quan chức năng.

- Xây dựng khuôn viên, trồng cây xanh bảo vệ môi trường cho cộng đồng.

Số lần bị phạt về môi trường và tổng tiền phạt môi trường: Không vi phạm.

5. Các chính sách liên quan đến người lao động: Với sứ mệnh là đơn vị "Phát triển vì cộng đồng" Công ty luôn chú trọng và đảm bảo tốt nhất các điều kiện lao động, việc làm và thu nhập cho người lao động; Tích cực chăm lo cho cán bộ nhân viên cả về vật chất và tinh thần. Không ngừng cải tiến kỹ thuật công nghệ, nâng cao chất lượng chất lượng lao động, từng bước áp dụng công nghệ 4.0 vào hoạt động SXKD nhằm giải phóng sức lao động, cải tiến và nâng cao năng suất lao động, nâng cao trình độ năng lực cán bộ nhân viên, nâng cao năng lực cạnh tranh doanh nghiệp trong giai đoạn mới:

* Về công tác đào tạo và phát triển: Công ty luôn luôn đặt mục tiêu giáo dục đào tạo nâng cao trình độ, năng lực lao động, làm mới suy nghĩ và nhận thức, cách làm của người lao động lên hàng đầu; Sau thời gian cao điểm của 04 tháng mùa vụ sản xuất, từ tháng 5 đến tháng 11 hàng năm, bên cạnh công tác kiểm tu bảo dưỡng thiết bị, Công ty ưu tiên dành thời gian để người lao động được tham quan, học tập, nghỉ dưỡng, tham gia các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng nghề, kỹ năng quản lý, tiếp cận và giao lưu với các hoạt động văn hóa thể thao, các tổ chức chuyên môn nghề nghiệp để từng bước làm mới và tái tạo sức lao động, làm giàu công việc được giao, hướng tới nâng cao hiệu quả công việc năm sau cao hơn năm trước; đồng thời cũng dành thời gian để bộ phận sản xuất tập trung đánh giá rà soát lại những vấn đề tồn tại trong năm, bàn bạc thảo luận tìm phương án cải tiến cho vụ ép tiếp theo.

* Định hướng về đổi mới các chính sách quản lý quản trị: Thực hiện tốt các chính sách tuyển- dụng – gìn giữ nhân tài: Liên tục đổi mới tạo nên môi trường làm việc tích cực - năng động – sáng tạo; khen thưởng kịp thời những cá nhân tập thể có đóng góp tích cực cho sự phát triển của Công ty; Quy hoạch và chuẩn bị nguồn lực kế cận phù hợp định hướng phát triển của Công ty; Mạnh dạn đổi mới và cải tiến cơ chế chính sách- con người không phù hợp với điều kiện và gây cản trở cho hoạt động SXKD của Công ty; Tập trung cao và quyết liệt thực hiện nghiêm túc cơ chế phân cấp phân quyền, tăng cường hoạt động kiểm tra giám sát, đánh giá dự báo và có giải pháp phòng ngừa ngăn chặn tối đa các rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh; Rà soát xét đánh giá lại hoạt động đầu tư, cơ cấu lại hoạt động đầu tư, đảm bảo SXKD có hiệu quả, chấm dứt tình trạng trì trệ, hiệu quả thấp ở một số lĩnh vực đầu tư; Phấn đấu và quyết tâm đưa các đơn vị thuộc lĩnh vực kinh doanh mới đi vào hoạt động và hoạt động có hiệu quả.

* Định hướng chính sách đối với người lao động: Năng suất lao động tăng so với năm trước ít nhất đạt 20%; thu nhập bình quân đầu người tăng 10-15%; 90%-100% lao động có đủ việc làm; Người lao động được duy trì và đảm bảo các điều kiện về phúc lợi xã hội;

* Về việc tuân thủ trách nhiệm xã hội: Liên tục duy trì và đảm bảo quyền lợi chế độ của người lao động được duy trì và cải tiến năm sau tốt hơn năm trước; tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật lao động Việt nam; điều kiện và môi trường làm việc không ngừng được cải thiện; sức khỏe lao động được đảm bảo; Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, tăng cường công tác đền ơn đáp nghĩa và các hoạt động từ thiện trên tinh thần phát triển vì cộng đồng, lá lành đùm lá rách.

6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng - địa phương

Trong năm qua, Công ty ưu tiên phát triển cộng đồng: đầu tư cải tạo, nâng cấp các tuyến đường vùng mía. Quan tâm, hỗ trợ các gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng, bà mẹ Việt nam anh hùng.

2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



PHẦN V: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- ◆ Ý kiến kiểm toán.
- ◆ Báo cáo Tài chính được kiểm toán hợp nhất.
- ◆ Báo cáo Tài chính được kiểm toán riêng công ty mẹ.

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN RIÊNG CỦA CÔNG TY ME

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 24 tháng 9 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cồn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn Bá Thước	Thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch	
Ông Lê Văn Tân	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2018
Bà Lê Thị Tiến	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2018
Ông Lê Du Phong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2018
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên	
Ông Lê Văn Tiến	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2018

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ theo Nghị quyết số 493 NQ/2018/ĐLS – ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 12 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua Tờ trình thay đổi mô hình tổ chức quản lý của Công ty, theo đó, Công ty không tổ chức mô hình Ban kiểm soát và thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị. Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ đến ngày 7 tháng 12 năm 2018 bao gồm:

Bà Đỗ Thị Thanh Hà	Trưởng Ban
Ông Đỗ Văn Mạnh	Ủy viên
Bà Lê Thị Tình	Ủy viên

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thực hiện Nghị quyết số 493 NQ/2018/ĐLS – ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 12 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 27 QĐ/ĐLS-HĐQT ngày 16 tháng 1 năm 2019 về việc thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị. Các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ được bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2019 và đương nhiệm vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Huệ	Trưởng Ban
Ông Lê Huy Hùng	Phó ban
Ông Đỗ Văn Mạnh	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Bá Chiếu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Quang đã được Ông Lê Văn Tam ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 theo Giấy Ủy quyền số 460 UQ/ĐLS – TCKT ngày 27 tháng 9 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 28 tháng 9 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Phó Tổng Giám đốc
Lê Văn Quang

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2019



Số tham chiếu: 61060845/20365483

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) được lập ngày 28 tháng 9 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

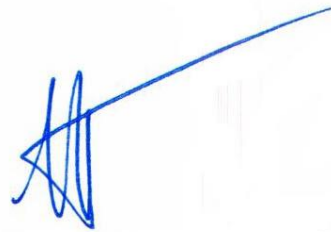
Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 28 tháng 9 năm 2019 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1



Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		685.661.430.356	978.458.591.025
110	I. Tiền	4	13.619.980.272	9.925.207.327
111	1. Tiền		13.619.980.272	9.925.207.327
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		296.429.918.825	559.499.234.549
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	95.492.806.648	120.237.929.379
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	155.453.006.438	389.457.447.324
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	59.558.121.771	63.425.320.028
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(14.074.016.032)	(13.621.462.182)
140	III. Hàng tồn kho	8	369.945.376.247	408.062.051.335
141	1. Hàng tồn kho		370.508.948.751	408.625.623.839
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(563.572.504)	(563.572.504)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		5.666.155.012	972.097.814
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	5.666.155.012	972.097.814
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.442.048.728.434	1.475.274.704.219
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		13.350.024.989	13.688.871.389
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	13.350.024.989	13.688.871.389
220	II. Tài sản cố định		975.085.690.099	1.088.072.395.165
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	944.020.380.587	1.056.806.393.345
222	Nguyên giá		2.432.903.972.815	2.420.531.213.185
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.488.883.592.228)	(1.363.724.819.840)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	31.065.309.512	31.266.001.820
228	Nguyên giá		41.498.657.235	41.382.857.235
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.433.347.723)	(10.116.855.415)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		156.482.008.212	73.401.549.867
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	156.482.008.212	73.401.549.867
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	261.713.373.290	266.578.587.746
251	1. Đầu tư vào công ty con		243.368.989.928	243.368.989.928
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		36.500.000.000	36.500.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.251.145.800	15.251.145.800
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(33.406.762.438)	(28.541.547.982)
260	V. Tài sản dài hạn khác		35.417.631.844	33.533.300.052
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	35.417.631.844	33.533.300.052
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.127.710.158.790	2.453.733.295.244

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		633.462.180.583	926.407.158.513
310	I. Nợ ngắn hạn		573.794.561.570	848.835.562.637
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	60.341.468.105	51.896.363.195
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	5.982.248.299	2.083.163.968
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	14.134.029.382	23.197.795.516
314	4. Phải trả người lao động		9.622.518.783	13.700.898.107
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	6.801.848.079	46.074.424.253
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	12.332.384.234	10.347.434.640
320	7. Vay ngắn hạn	18	433.390.212.075	669.965.972.493
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	31.189.852.613	31.569.510.465
330	II. Nợ dài hạn		59.667.619.013	77.571.595.876
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	9.288.905.093	9.808.905.093
338	2. Vay dài hạn	18	1.916.641.667	7.749.991.667
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	20	48.462.072.253	60.012.699.116
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.494.247.978.207	1.527.326.136.731
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.467.247.172.557	1.493.347.379.312
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		180.176.411.784	180.176.411.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(32.871.691.000)	(32.871.691.000)
418	4. Quỹ đầu tư và phát triển		575.358.962.809	572.501.336.375
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		44.583.488.964	73.541.322.153
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		20.929.010.535	44.965.057.816
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		23.654.478.429	28.576.264.337
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		27.000.805.650	33.978.757.419
431	1. Nguồn kinh phí	22	1.594.781.000	5.957.826.653
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	22	25.406.024.650	28.020.930.766
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.127.710.158.790	2.453.733.295.244


Người lập
Lê Thị Liên


Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà



Phó Tổng Giám đốc
Lê Văn Quang

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.386.724.941.891	1.301.455.350.759
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	8.156.510.000	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	24.1	1.378.568.431.891	1.301.455.350.759
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	1.247.553.741.486	1.164.705.326.939
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		131.014.690.405	136.750.023.820
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	2.977.474.393	8.563.368.799
22	7. Chi phí tài chính	26	44.043.692.641	43.371.001.804
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		38.974.103.004	40.808.879.282
25	8. Chi phí bán hàng	27	30.216.758.359	31.422.446.274
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	27.046.353.777	38.906.684.819
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		32.685.360.021	31.613.259.722
31	11. Thu nhập khác	28	566.173.370	8.737.279.954
32	12. Chi phí khác	28	4.749.033.660	6.109.248.454
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		(4.182.860.290)	2.628.031.500
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		28.502.499.731	34.241.291.222
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	4.848.021.302	5.665.026.885
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51]		23.654.478.429	28.576.264.337

Người lập
Lê Thị Liên

Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà



Phó Tổng Giám đốc
Lê Văn Quang

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		28.502.499.731	34.241.291.222
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		125.021.136.845	124.231.282.185
03	Các khoản dự phòng		5.317.768.306	2.073.511.658
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(11.797.768)	(194.898.370)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.222.575.543)	(15.343.243.380)
06	Chi phí lãi vay	26	38.974.103.004	40.808.879.282
07	Các khoản điều chỉnh khác		(5.000.000.000)	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		189.581.134.575	185.816.822.597
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		246.047.473.643	(132.301.929.656)
10	Giảm hàng tồn kho		38.116.675.088	22.727.819.634
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(19.684.555.047)	14.209.444.989
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(6.578.388.990)	1.136.412.907
14	Tiền lãi vay đã trả		(38.683.204.717)	(41.223.283.764)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30	(1.502.560.633)	(13.856.177.762)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.616.000.000	15.655.294.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13.216.329.939)	(21.686.860.372)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		399.696.243.980	30.477.542.573
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(114.625.391.033)	(76.074.040.837)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		117.064.226	30.241.850.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(57.658.495.400)	(108.455.344.813)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		57.658.495.400	99.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(5.084.883.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.965.676.625	13.704.453.575
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(111.542.650.182)	(46.667.965.075)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền chi trả mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(32.871.691.000)
33	Tiền thu từ đi vay		1.003.811.215.562	1.615.166.503.405
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.246.220.325.980)	(1.537.776.366.683)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(42.049.710.435)	(69.398.990.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(284.458.820.853)	(24.880.544.278)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		3.694.772.945	(41.070.966.780)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		9.925.207.327	50.996.174.107
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	13.619.980.272	9.925.207.327

Người lập
Lê Thị Liên

Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà



Phó Tổng Giám đốc
Lê Văn Quang

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2019

B. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 24 tháng 9 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cồn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn	Thị trấn Cảnh Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Bá Thước	Hóa
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch	
Ông Lê Văn Tân	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2018
Bà Lê Thị Tiến	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2018
Ông Lê Du Phong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2018
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên	
Ông Lê Văn Tiến	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2018

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ theo Nghị quyết số 493 NQ/2018/ĐLS – ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 12 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua Tờ trình thay đổi mô hình tổ chức quản lý của Công ty, theo đó, Công ty không tổ chức mô hình Ban kiểm soát và thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị. Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ đến ngày 7 tháng 12 năm 2018 bao gồm:

Bà Đỗ Thị Thanh Hà	Trưởng Ban
Ông Đỗ Văn Mạnh	Ủy viên
Bà Lê Thị Tình	Ủy viên

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thực hiện Nghị quyết số 493 NQ/2018/ĐLS – ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 12 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 27 QĐ/ĐLS-HĐQT ngày 16 tháng 1 năm 2019 về việc thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị. Các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ được bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2019 và đương nhiệm vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Huệ	Trưởng Ban
Ông Lê Huy Hùng	Phó ban
Ông Đỗ Văn Mạnh	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Bá Chiêu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Quang đã được Ông Lê Văn Tam ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 theo Giấy Ủy quyền số 460 UQ/ĐLS – TCKT ngày 27 tháng 9 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và

lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phó Tổng Giám đốc
Lê Văn Quang

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2019



Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 4 3831 5100
Fax: +84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61060845/20365483 - HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Công ty và các công ty con”) được lập ngày 28 tháng 9 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1

Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		903.760.115.740	1.400.587.746.423
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	26.341.249.576	15.412.171.681
111	1. Tiền		22.341.249.576	15.412.171.681
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	18.049.659.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	18.049.659.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		363.133.268.504	534.789.927.064
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	132.206.273.734	149.454.935.529
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	156.018.171.306	270.930.772.151
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	52.932.327.647	84.149.848.559
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	47.897.930.172	53.819.370.952
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.3	(25.921.434.355)	(23.565.000.127)
140	IV. Hàng tồn kho	8	504.144.183.977	820.734.852.846
141	1. Hàng tồn kho		507.400.497.730	829.536.535.000
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.256.313.753)	(8.801.682.154)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.141.413.683	11.601.135.832
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	9.137.422.920	2.955.892.887
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		990.937.661	8.623.263.117
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		13.053.102	21.979.828

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.416.272.022.883	1.463.841.996.642
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.001.621.814	1.121.577.692
216	1. Phải thu dài hạn khác		1.024.121.814	1.144.077.692
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(22.500.000)	(22.500.000)
220	II. Tài sản cố định		1.155.488.325.075	1.275.911.648.618
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.119.213.947.227	1.239.261.450.322
222	Nguyên giá		2.995.658.651.632	2.969.290.693.195
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.876.444.704.405)	(1.730.029.242.873)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	36.274.377.848	36.650.198.296
228	Nguyên giá		48.019.359.576	47.903.559.576
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.744.981.728)	(11.253.361.280)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		169.450.619.522	90.918.826.657
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	169.450.619.522	90.918.826.657
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	31.080.008.220	30.773.468.207
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		15.628.862.420	15.322.322.407
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.251.145.800	15.251.145.800
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		200.000.000	200.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		59.251.448.252	65.116.475.468
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	55.933.658.361	60.586.389.433
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	3.317.789.891	4.530.086.035
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.320.032.138.623	2.864.429.743.065

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		811.684.966.705	1.300.953.766.671
310	I. Nợ ngắn hạn		751.509.334.525	1.221.720.526.387
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	133.058.413.072	263.932.409.395
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	47.527.232.661	26.666.065.823
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	15.022.693.135	24.863.004.709
314	4. Phải trả người lao động		13.289.306.703	21.684.853.217
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	11.727.417.942	50.244.963.734
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	22.299.309.306	15.335.544.949
320	7. Vay ngắn hạn	18	471.750.443.423	781.768.508.425
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	36.834.518.283	37.225.176.135
330	II. Nợ dài hạn		60.175.632.180	79.233.240.284
333	1. Chi phí phải trả dài hạn		-	295.317.298
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	9.670.855.983	11.049.169.926
338	3. Vay dài hạn	18	1.916.641.667	7.749.991.667
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	20	48.588.134.530	60.138.761.393
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.508.347.171.918	1.563.475.976.394
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.481.479.856.766	1.529.910.709.473
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		180.176.411.784	180.176.411.784
423	3. Cổ phiếu quỹ		(32.871.691.000)	(32.871.691.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		592.973.408.850	590.115.782.416
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		60.219.882	60.219.882
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		22.609.705.023	66.761.322.969
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		14.149.011.351	54.535.769.048
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		8.460.693.672	12.225.553.921
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		18.531.802.227	25.668.663.422
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		26.867.315.152	33.565.266.921
431	1. Nguồn kinh phí	22.1	1.461.290.502	5.544.336.155
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	22.2	25.406.024.650	28.020.930.766
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.320.032.138.623	2.864.429.743.065

Người lập
Lê Thị Liên

Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà



Phó Tổng Giám đốc
Lê Văn Quang

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.759.735.654.335	1.343.506.924.894
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	1.554.647.143	9.200.000
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	24.1	1.758.181.007.192	1.343.497.724.894
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	1.619.187.984.969	1.181.540.845.292
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		138.993.022.223	161.956.879.602
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	3.526.819.344	6.687.676.515
22	7. Chi phí tài chính	26	45.466.650.133	47.250.202.716
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		44.848.073.061	46.758.161.296
24	8. Phần lãi/(lỗ) từ công ty liên kết	12.1	306.540.013	(65.920.000)
25	9. Chi phí bán hàng	27	34.389.508.215	44.427.433.244
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	50.808.882.588	67.732.194.029
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26]		12.161.340.644	9.168.806.128
31	12. Thu nhập khác	28	1.243.514.201	9.141.787.087
32	13. Chi phí khác	28	4.969.389.395	7.151.981.496
40	14. (Lỗ)/lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]	28	(3.725.875.194)	1.989.805.591

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		8.435.465.450	11.158.611.719
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	5.899.336.829	6.970.774.840
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30.3	1.212.296.144	98.047.369
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		1.323.832.477	4.089.789.510
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	21.1	8.460.693.672	12.225.553.921
62	20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	21.1	(7.136.861.195)	(8.135.764.411)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	126	178
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	32	126	178



Người lập
Lê Thị Liên



Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà



Phó Tổng Giám đốc
Lê Văn Quang

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		8.435.465.450	11.158.611.719
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		146.689.156.465	146.911.129.830
03	Các khoản dự phòng		(3.188.934.173)	5.871.122.403
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(11.797.768)	(194.898.370)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.928.164.358)	(13.139.633.926)
06	Chi phí lãi vay	26	44.848.073.061	46.758.161.296
07	Các khoản điều chỉnh khác		(5.000.000.000)	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		187.843.798.677	197.364.492.952
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		145.843.911.480	(157.346.764.763)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		322.136.037.270	(274.264.968.396)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(162.053.523.891)	237.866.109.900
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(1.528.798.961)	2.197.088.807
14	Tiền lãi vay đã trả		(43.979.592.188)	(47.726.953.065)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30.2	(2.524.010.927)	(15.452.700.896)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.896.000.000	15.655.294.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13.227.329.939)	(22.409.930.171)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		438.406.491.521	(64.118.331.632)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(120.238.628.677)	(80.848.718.442)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		176.155.135	30.504.200.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(20.016.881.085)	(100.755.952.695)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		69.284.060.997	152.006.426.045
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia		3.339.392.351	7.652.984.174
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(67.455.901.279)	8.558.939.082

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(32.871.691.000)
33	Tiền thu từ đi vay		1.157.493.995.478	1.825.550.205.627
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.473.345.410.480)	(1.733.191.869.507)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(44.170.097.345)	(69.687.710.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(360.021.512.347)	(10.201.064.880)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		10.929.077.895	(65.760.457.430)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		15.412.171.681	81.172.629.111
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	26.341.249.576	15.412.171.681



Người lập
Lê Thị Liên



Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà



Phó Tổng Giám đốc
Lê Văn Quang

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 24 tháng 9 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cồn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn	Thị trấn Cảnh Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là: 1.940 (ngày 30 tháng 6 năm 2018: 2.087).

Tính chất mùa vụ đối với hoạt động sản xuất của Công ty và các công ty con

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp, trong đó chủ yếu là các sản phẩm từ đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng 95,15% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Sản xuất đường có tính mùa vụ theo thời gian của mùa vụ trồng và thu hoạch mía, thường diễn ra trong giai đoạn từ tháng 9 đến tháng 3. Theo đó, các chi phí sản xuất chính liên quan trực tiếp đến sản phẩm đường của Công ty thường phát sinh trong giai đoạn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 8 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
1	Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	90%	90%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất phân bón, kinh doanh dịch vụ vận tải, san lấp mặt bằng, kinh doanh các dịch vụ nông nghiệp
2	Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt và chăn nuôi
3	Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn (i)	100%	100%	Huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước (i)	100%	100%	Huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp
5	Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống	56,61%	56,61%	Huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất và kinh doanh đường
6	Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
7	Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, nghiên cứu và chế biến các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao
8	Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao

(i) Các công ty này đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm nay và kết thúc ngày 30 tháng 6 của năm tiếp theo.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
cụ và hàng hóa

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và tiền thuê trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các quyền sử dụng đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính như sau:

- ▶ Đối với các tài sản liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất mía đường, Công ty và các công ty con trích lập và phân bổ đều chi phí khấu hao của cả năm tài chính cho các tháng mà các nhà máy đường hoạt động, thông thường từ tháng 1 đến tháng 3 và tháng 11, tháng 12 của năm tài chính.
- ▶ Đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động quản lý chung và các hoạt động kinh doanh khác, Công ty và các công ty con trích lập và ghi nhận chi phí khấu hao/hao mòn đều cho các tháng trong năm tài chính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản được Công ty và các công ty con áp dụng như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 - 50 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây xanh lâu năm	8 - 23 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất với thời hạn từ 5 đến 35 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty và của các công ty con phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.14 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 *Quỹ phát triển khoa học và công nghệ*

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016. Số tiền trích quỹ hàng năm được Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

3.16 *Nguồn kinh phí sự nghiệp*

Nguồn kinh phí sự nghiệp là các khoản kinh phí được cấp bởi Ngân sách Nhà nước và được phê duyệt bởi các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện các dự án, chương trình mục tiêu không vì mục đích lợi nhuận.

3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	902.255.285	870.984.120
Tiền gửi ngân hàng	21.438.994.291	14.541.187.561
Các khoản tương đương tiền (*)	4.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>26.341.249.576</u>	<u>15.412.171.681</u>

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND, có kỳ hạn 1 tháng và hưởng lãi suất từ 4,1% - 5,2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ khách hàng	129.284.670.734	146.533.332.529
<i>Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh</i>	<i>69.782.947.500</i>	<i>38.135.895.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Song Phương</i>	<i>846.720.000</i>	<i>34.703.190.000</i>
<i>Công ty TNHH NGK Suntory Pepsico Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam</i>	<i>6.552.000.000</i>	<i>28.444.563.000</i>
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	<i>52.103.003.234</i>	<i>45.249.684.529</i>
Phải thu từ các bên liên quan <i>(Thuyết minh số 31)</i>	<u>2.921.603.000</u>	<u>2.921.603.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>132.206.273.734</u>	<u>149.454.935.529</u>
Dự phòng	(8.368.093.259)	(7.628.481.109)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước cho người bán	155.136.171.306	270.048.772.151
<i>Trả trước tiền mua nguyên vật liệu cho hợp tác xã và hộ nông dân</i>	<i>148.929.233.769</i>	<i>185.544.852.410</i>
<i>Công ty TNHH Kim Hà Việt</i>	<i>-</i>	<i>46.250.000.000</i>
<i>Công ty TNHH An Hà</i>	<i>-</i>	<i>25.450.000.000</i>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>6.206.937.537</i>	<i>12.803.919.741</i>
Trả trước cho các bên liên quan <i>(Thuyết minh số 31)</i>	<u>882.000.000</u>	<u>882.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>156.018.171.306</u>	<u>270.930.772.151</u>
Dự phòng	(1.463.378.563)	(1.321.880.000)

5.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	23.565.000.127	23.167.606.564
Dự phòng trích lập trong năm	2.356.434.228	406.555.613
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(9.162.050)
Số cuối năm	<u>25.921.434.355</u>	<u>23.565.000.127</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)</i>	<i>(8.368.093.259)</i>	<i>(7.628.481.109)</i>
<i>Dự phòng trả trước người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)</i>	<i>(1.463.378.563)</i>	<i>(1.321.880.000)</i>
<i>Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)</i>	<i>(16.089.962.533)</i>	<i>(14.614.639.018)</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cho vay cá nhân – Bà Mai Thị Hồng (*)	2.008.383.562	-	-	-
Cho vay hỗ trợ các hộ trồng mía (**)	50.923.944.085	-	84.149.848.559	-
TỔNG CỘNG	52.932.327.647	-	84.149.848.559	-

(*) Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn một nhân viên của Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn với thời hạn 6 tháng và có lãi suất là 8,5%/năm. Gốc và lãi vay được thanh toán tại ngày đáo hạn.

(**) Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn hỗ trợ các hộ trồng mía là các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo và có kỳ hạn dưới 1 năm của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống, một công ty con của Công ty, cho các hộ nông dân, với mức lãi suất là 6,5%/năm hoặc không thu lãi, để phục vụ việc trồng mía nguyên liệu. Các khoản cho vay này sẽ được thanh toán bù trừ công nợ giữa Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống và các hộ nông dân trồng mía.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	18.684.444.591	(153.283.239)	18.285.268.767	(121.790.939)
Các khoản cho vay không lãi suất quá hạn	8.504.060.306	(8.504.060.306)	8.504.060.306	(8.504.060.306)
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.235.904.682	-	7.022.988.925	-
Phải thu các hộ nông dân tiền đầu tư vụ mía (*)	6.166.256.237	(4.968.569.547)	5.379.860.078	(4.868.634.282)
Phải thu Hiệp hội mía đường Lam Sơn	3.573.880.000	-	3.573.880.000	-
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	-	6.000.000.000	-
Phải thu khác	3.733.384.356	(2.464.049.441)	5.053.312.876	(1.120.153.491)
TỔNG CỘNG	47.897.930.172	(16.089.962.533)	53.819.370.952	(14.614.639.018)
Trong đó:				
<i>Phải thu khác</i>	19.226.092.003	-	25.374.762.851	-
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	28.671.838.169	-	28.444.608.101	-

(*) Bao gồm các khoản cho vay ngắn hạn không chịu lãi suất và không có tài sản đảm bảo của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống cho các hộ nông dân vay để phục vụ việc trồng mía nguyên liệu. Các khoản cho vay này sẽ được thanh toán bù trừ công nợ giữa Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống và các hộ nông dân trồng mía.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Thành phẩm (*)	412.408.230.544	-	734.593.324.269	(6.158.916.544)
Nguyên liệu, vật liệu	39.830.943.193	(3.230.074.229)	60.740.339.834	(2.616.526.086)
Hàng hóa	24.612.566.696	-	6.513.996.803	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.251.451.563	-	26.360.526.376	-
Công cụ, dụng cụ	1.017.330.533	(26.239.524)	1.110.438.319	(26.239.524)
Hàng gửi bán	279.975.201	-	217.909.399	-
TỔNG CỘNG	<u>507.400.497.730</u>	<u>(3.256.313.753)</u>	<u>829.536.535.000</u>	<u>(8.801.682.154)</u>

(*) Công ty và Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công, một công ty con của Công ty, đã sử dụng toàn bộ thành phẩm tồn kho làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	8.801.682.154	3.327.953.314
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	477.352.881	6.158.916.544
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(6.022.721.282)	(685.187.704)
Số cuối năm	<u>3.256.313.753</u>	<u>8.801.682.154</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:						
Số đầu năm	773.816.746.759	2.088.429.773.298	78.374.953.024	23.606.252.700	5.062.967.414	2.969.290.693.195
- Mua trong năm	-	4.222.295.033	4.523.300.000	-	7.063.022.125	15.808.617.158
- Đầu tư XDCB hoàn thành	15.142.619.028	-	-	-	-	15.142.619.028
- Thanh lý, nhượng bán	(707.701.228)	(2.893.144.419)	(325.848.545)	(656.583.557)	-	(4.583.277.749)
Số cuối năm	788.251.664.559	2.089.758.923.912	82.572.404.479	22.949.669.143	12.125.989.539	2.995.658.651.632
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	213.775.116.350	748.729.770.478	51.028.036.156	20.558.536.331	-	1.034.091.459.315
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	337.000.350.874	1.305.675.407.908	64.211.718.470	22.338.442.339	803.323.282	1.730.029.242.873
- Khấu hao trong năm	29.992.770.527	117.127.539.496	2.887.034.956	334.339.165	720.125.207	151.061.809.351
- Thanh lý, nhượng bán	(707.701.226)	(2.873.181.358)	(322.120.711)	(656.583.557)	-	(4.559.586.852)
- Giảm khác	-	-	(86.760.967)	-	-	(86.760.967)
Số cuối năm	366.285.420.175	1.419.929.766.046	66.689.871.748	22.016.197.947	1.523.448.489	1.876.444.704.405
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	436.816.395.885	782.754.365.390	14.163.234.554	1.267.810.361	4.259.644.132	1.239.261.450.322
Số cuối năm	421.966.244.384	669.829.157.866	15.882.532.731	933.471.196	10.602.541.050	1.119.213.947.227

Công ty và các công ty con đã sử dụng một phần dây chuyền máy móc, thiết bị của Nhà máy đường số 2 và của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	19.037.780.000	18.778.159.158	10.087.620.418	47.903.559.576
- Mua trong năm	-	-	115.800.000	115.800.000
Số cuối năm	<u>19.037.780.000</u>	<u>18.778.159.158</u>	<u>10.203.420.418</u>	<u>48.019.359.576</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã hao mòn hết	-	-	9.567.820.418	9.567.820.418
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	1.341.344.211	9.912.017.069	11.253.361.280
Hao mòn trong năm	-	387.660.452	103.959.996	491.620.448
Số cuối năm	-	<u>1.729.004.663</u>	<u>10.015.977.065</u>	<u>11.744.981.728</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>19.037.780.000</u>	<u>17.436.814.947</u>	<u>175.603.349</u>	<u>36.650.198.296</u>
Số cuối năm	<u>19.037.780.000</u>	<u>17.049.154.495</u>	<u>187.443.353</u>	<u>36.274.377.848</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án công viên sinh thái Thanh Tam	99.797.693.506	35.720.746.278
Dự án trung tâm Công nghệ cao Lam Sơn	30.366.333.204	30.257.333.204
Dự án nuôi cấy mía mô	15.202.625.481	-
Dự án Trầm Hương	8.325.864.612	7.423.470.385
Dự án xây dựng vườn cam công nghệ cao	2.505.065.904	7.326.338.358
Các dự án khác	<u>13.253.036.815</u>	<u>10.190.938.432</u>
TỔNG CỘNG	<u>169.450.619.522</u>	<u>90.918.826.657</u>

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	12.1	15.628.862.420	15.322.322.407
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.2	15.251.145.800	15.251.145.800
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.3	<u>200.000.000</u>	<u>200.000.000</u>
TỔNG CỘNG		<u>31.080.008.220</u>	<u>30.773.468.207</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển (i)	38,39%	2.150.000	38,39%	2.150.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân (ii)	32,00%	1.600.000	32,00%	1.600.000

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	Tổng cộng
Số đầu năm	-	15.322.322.407	15.322.322.407
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết trong năm	-	306.540.013	306.540.013
Số cuối năm	-	15.628.862.420	15.628.862.420

(i) Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 do Ban Quản lý Các khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp vào ngày 20 tháng 9 năm 2007. Công ty này có trụ sở chính tại Lô CN-B3, Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển là sản xuất, pha chế và kinh doanh các sản phẩm rượu, đồ uống. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty nắm 38,39% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

(ii) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2801700568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 18 tháng 7 năm 2011. Công ty này có trụ sở chính tại thôn 8, xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là trồng cây mía, cung cấp dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và kinh doanh các sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty và các công ty con nắm 32% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư dài hạn khác

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn	1.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Tổng Công ty Mía đường I	292.885	2.974.645.800	-	2.974.645.800	292.885	2.974.645.800	-	2.974.645.800
Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	227.650	2.276.500.000	-	2.276.500.000	227.650	2.276.500.000	-	2.276.500.000
TỔNG CỘNG		15.251.145.800	-	15.251.145.800		15.251.145.800	-	15.251.145.800

Công ty chưa thu thập được các thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do cổ phiếu của các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

12.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với kỳ hạn 10 năm và đáo hạn vào ngày 14 tháng 11 năm 2027. Lãi suất của trái phiếu này được xác định bằng lãi suất trung bình đối với tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng của bốn ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cộng 1,2%/năm và được thanh toán hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Chi phí hỗ trợ hộ nông dân vụ 2019/2020	4.781.328.308	-
Công cụ, dụng cụ	2.310.941.061	-
Chi phí khác	2.045.153.551	2.955.892.887
TỔNG CỘNG	9.137.422.920	2.955.892.887
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	51.090.533.234	56.972.601.706
Công cụ, dụng cụ	2.487.576.461	1.353.727.322
Chi phí khác	2.355.548.666	2.260.060.405
TỔNG CỘNG	55.933.658.361	60.586.389.433

14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả ngắn hạn cho người bán	132.557.115.785	132.557.115.785	260.042.303.022	260.042.303.022
<i>Các hộ trồng mía</i>	12.685.670.241	12.685.670.241	144.255.961.969	144.255.961.969
<i>Phải trả người bán ngắn hạn khác</i>	119.871.445.544	119.871.445.544	115.786.341.053	115.786.341.053
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	501.297.287	501.297.287	3.890.106.373	3.890.106.373
TỔNG CỘNG	133.058.413.072	133.058.413.072	263.932.409.395	263.932.409.395

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Người mua trả tiền trước khác	47.527.232.661	20.809.265.823
Các bên liên quan trả tiền trước	-	5.856.800.000
TỔNG CỘNG	47.527.232.661	26.666.065.823

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp/bù trừ trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	22.238.230.179	44.735.648.322	(59.016.395.660)	7.957.482.841
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 30.2)	2.060.628.365	5.899.336.829	(2.524.010.927)	5.435.954.267
Thuế thu nhập cá nhân	346.081.632	1.943.467.733	(873.291.232)	1.416.258.133
Thuế nhà đất	-	1.631.334.911	(1.631.334.911)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	218.064.533	1.825.226.646	(1.830.293.285)	212.997.894
TỔNG CỘNG	24.863.004.709	56.035.014.441	(65.875.326.015)	15.022.693.135

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí hoa hồng bán hàng	3.718.523.950	3.561.933.750
Chi phí lãi vay phải trả	1.687.883.071	819.402.198
Chi phí vận chuyển mía	398.300.000	26.108.700.509
Chi phí hỗ trợ quỹ khuyến học vùng nguyên liệu mía	292.320.000	557.200.000
Chi phí xây dựng, đầu tư tài sản	-	12.676.244.600
Các khoản khác	5.630.390.921	6.521.482.677
TỔNG CỘNG	11.727.417.942	50.244.963.734

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	5.648.183.395	2.560.040.000
Quỹ dự phòng thiên tai, rủi ro	5.033.826.700	4.087.088.258
Kinh phí công đoàn	2.428.249.497	2.073.562.594
Phải trả tiền thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2015/2016	2.234.355.000	2.234.355.000
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.533.205.665	2.273.429.977
Phải trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng	1.287.673.460	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.133.815.589	2.107.069.120
	22.299.309.306	15.335.544.949
Dài hạn		
Phải trả tiền thưởng do vượt kế hoạch về lợi nhuận năm 2011	7.720.591.150	7.720.591.150
Phải trả tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng	710.000.000	1.230.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	1.240.264.833	2.098.578.776
	9.670.855.983	11.049.169.926
TỔNG CỘNG	31.970.165.289	26.384.714.875
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	22.015.219.139	16.429.768.725
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	2.234.355.000	2.234.355.000
<i>Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	7.720.591.150	7.720.591.150

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

Đơn vị tính: VND

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	775.215.175.092	775.215.175.092	1.155.493.995.478	(1.466.792.060.480)	463.917.110.090	463.917.110.090
Vay cá nhân (*)	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay dài hạn đối tượng khác đến hạn trả (**)	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	6.553.333.333	6.553.333.333	3.833.350.000	(6.553.350.000)	3.833.333.333	3.833.333.333
	781.768.508.425	781.768.508.425	1.163.327.345.478	(1.473.345.410.480)	471.750.443.423	471.750.443.423
Vay dài hạn						
Vay dài hạn đối tượng khác (**)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-	-
Vay ngân hàng	5.749.991.667	5.749.991.667	-	(3.833.350.000)	1.916.641.667	1.916.641.667
	7.749.991.667	7.749.991.667	-	(5.833.350.000)	1.916.641.667	1.916.641.667
TỔNG CỘNG	789.518.500.092	789.518.500.092	1.163.327.345.478	(1.479.178.760.480)	473.667.085.090	473.667.085.090

(*) Đây là khoản vay ngắn hạn từ một nhân viên của Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn với thời hạn 6 tháng và có lãi suất là 8,5%/năm. Gốc và lãi vay được thanh toán tại ngày đáo hạn.

(**) Đây là khoản vay dài hạn từ Công đoàn Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn theo Hợp đồng số 01/HĐ/CĐ-Lasuco ngày 1 tháng 1 năm 2017 (thay thế cho hợp đồng cũ số 02/HĐ/CĐ-Lasuco ngày 1 tháng 1 năm 2014). Khoản vay này sẽ đáo hạn vào ngày 1 tháng 1 năm 2020 và có lãi suất là 7,5%/năm. Lãi vay được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa	286.585.670.557	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 9 tháng, với kế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 2 tháng 3 năm 2020. Lãi vay được trả hàng tháng.	6,5% - 7,3%	Một số máy móc thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Thanh Hóa	10.000.000.000	Kỳ hạn vay không quá 6 tháng, đáo hạn vào ngày 21 tháng 9 năm 2019. Lãi vay được trả cuối kỳ.	7,5%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thanh Hóa	84.971.208.185	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với kế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 21 tháng 11 năm 2019. Lãi vay được trả cuối kỳ.	5,5% - 6,6%	Một số máy móc thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Thanh Hóa	46.000.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với kế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 14 tháng 9 năm 2019. Lãi vay được trả hàng tháng.	7,8%	Hàng tồn kho và các vật tư hàng hóa khác và toàn bộ máy móc thiết bị, nhà xưởng thuộc dự án đầu tư khai thác tối ưu năng lực phát điện
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	15.365.150.136	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng với kế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 17 tháng 12 năm 2019. Lãi vay trả hàng tháng.	6,5% - 8,8%	Một phần nhà xưởng và máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống với tổng giá trị là 15,08 tỷ VND và hợp đồng tiền gửi có giá trị 3 tỷ VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sầm Sơn	20.995.081.212	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng với kế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 27 tháng 12 năm 2019. Lãi vay trả hàng tháng.	6,6% - 9%	Một phần nhà xưởng, máy móc thiết bị và toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống với tổng giá trị là 62,57 tỷ VND
TỔNG CỘNG	<u>463.917.110.090</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Thanh Hóa	5.749.975.000	Gốc vay được thanh toán hàng quý trong vòng 12 quý, với kỳ đầu tiên vào ngày 25 tháng 2 năm 2018. Lãi vay trả hàng quý.	9,5%	Hàng tồn kho và các vật tư hàng hóa khác và toàn bộ máy móc thiết bị, nhà xưởng thuộc dự án đầu tư khai thác tối ưu năng lực phát điện
TỔNG CỘNG	5.749.975.000			
<i>Trong đó:</i>				
- Vay dài hạn đến hạn trả	3.833.333.333			
- Vay dài hạn	1.916.641.667			

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	37.225.176.135	29.988.282.510
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh số 21.1)	2.857.626.434	13.272.714.175
Điều chuyển sang Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	-	(2.200.664.659)
Sử dụng quỹ trong năm	(3.248.284.286)	(3.835.155.891)
Số cuối năm	36.834.518.283	37.225.176.135

20. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	60.138.761.393	68.321.292.135
Hoàn nhập quỹ (*)	(5.000.000.000)	-
Sử dụng quỹ trong năm	(6.550.626.863)	(8.182.530.742)
Số cuối năm	48.588.134.530	60.138.761.393
<i>Trong đó:</i>		
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	8.397.748.783	13.670.383.664
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ	40.190.385.747	46.468.377.729

(*) Trong năm, Công ty đã hoàn nhập quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ với số tiền là 5 tỷ VND căn cứ theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước								
Số đầu năm	700.000.000.000	180.176.411.784	-	578.116.732.076	127.719.882	148.580.351.423	37.381.210.473	1.644.382.425.638
- Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	12.225.553.921	(8.135.764.411)	4.089.789.510
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(69.398.990.000)	(1.808.800.000)	(71.207.790.000)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	11.999.050.340	-	(11.999.050.340)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(11.999.050.340)	(1.273.663.835)	(13.272.714.175)
- Thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(644.953.770)	(494.318.805)	(1.139.272.575)
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(32.871.691.000)	-	-	-	-	(32.871.691.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(67.500.000)	(2.537.925)	-	(70.037.925)
Số cuối năm	<u>700.000.000.000</u>	<u>180.176.411.784</u>	<u>(32.871.691.000)</u>	<u>590.115.782.416</u>	<u>60.219.882</u>	<u>66.761.322.969</u>	<u>25.668.663.422</u>	<u>1.529.910.709.473</u>
Năm nay								
Số đầu năm	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	590.115.782.416	60.219.882	66.761.322.969	25.668.663.422	1.529.910.709.473
- Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	8.460.693.672	(7.136.861.195)	1.323.832.477
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(46.896.465.000)	-	(46.896.465.000)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	2.857.626.434	-	(2.857.626.434)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	(2.857.626.434)	-	(2.857.626.434)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(593.750)	-	(593.750)
Số cuối năm	<u>700.000.000.000</u>	<u>180.176.411.784</u>	<u>(32.871.691.000)</u>	<u>592.973.408.850</u>	<u>60.219.882</u>	<u>22.609.705.023</u>	<u>18.531.802.227</u>	<u>1.481.479.856.766</u>

(*) Việc chia cổ tức và trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 7 tháng 12 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000	-	700.000.000.000	700.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.176.411.784	-	180.176.411.784	180.176.411.784	-
Cổ phiếu quỹ	(32.871.691.000)	(32.871.691.000)	-	(32.871.691.000)	(32.871.691.000)	-
TỔNG CỘNG	847.304.720.784	847.304.720.784	-	847.304.720.784	847.304.720.784	-

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	700.000.000.000	700.000.000.000
Số cuối năm	700.000.000.000	700.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	46.896.465.000	69.398.990.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (năm trước: 10.000 VND).

21.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(3.005.050)	(3.005.050)
Cổ phiếu đang lưu hành	66.994.950	66.994.950
Cổ phiếu phổ thông	66.994.950	66.994.950
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

21.5 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chia từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức cho năm 2016/2017	-	69.398.990.000
Cổ tức cho năm 2017/2018	46.896.465.000	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

22.1 Nguồn kinh phí

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	5.544.336.155	2.506.077.155
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	520.317.503	15.655.294.000
Chi trong năm	<u>(4.603.363.156)</u>	<u>(12.617.035.000)</u>
Số cuối năm	<u>1.461.290.502</u>	<u>5.544.336.155</u>

22.2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	28.020.930.766	37.412.511.423
Tài sản điều chuyển nguồn từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	2.200.664.659
Sử dụng trong năm	<u>(2.614.906.116)</u>	<u>(2.561.407.629)</u>
Giảm khác	-	<u>(9.030.837.687)</u>
Số cuối năm	<u>25.406.024.650</u>	<u>28.020.930.766</u>

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (VND) (*)	98.843.905.714	121.998.571.429
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vật tư, hàng hóa giữ hộ bên liên quan</i> (Thuyết minh số 31)	8.904.000.000	-
<i>Vật tư, hàng hóa giữ hộ bên khác</i>	89.939.905.714	121.998.571.429
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.594.806.581	1.594.806.581
3. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	63.462	2.942
- Euro (EUR)	161	269

(*) Hàng hóa nhận giữ hộ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là giá trị của 8.591 tấn đường và 2.157 tấn mật ri được Công ty và các công ty con xuất bán cho khách hàng và đang được gửi tại kho của Công ty và các công ty con tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	1.759.735.654.335	1.343.506.924.894
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	1.543.096.034.233	1.188.233.834.757
Doanh thu bán hàng hóa	172.354.301.754	106.620.251.768
Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.285.318.348	48.652.838.369
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.554.647.143)	(9.200.000)
Chiếu khấu thương mại	(1.346.857.143)	(9.200.000)
Hàng bán bị trả lại	(207.790.000)	-
Doanh thu thuần	<u>1.758.181.007.192</u>	<u>1.343.497.724.894</u>
Trong đó:		
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	104.107.266.601	129.602.491.142
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên khác</i>	1.654.073.740.591	1.213.895.233.752

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.339.392.351	6.093.345.842
Doanh thu hoạt động tài chính khác	187.426.993	594.330.673
TỔNG CỘNG	<u>3.526.819.344</u>	<u>6.687.676.515</u>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.399.650.264.972	1.033.373.956.446
Giá vốn của hàng hóa đã bán	176.878.246.079	105.149.149.290
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	42.659.473.918	43.017.739.556
TỔNG CỘNG	<u>1.619.187.984.969</u>	<u>1.181.540.845.292</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	44.848.073.061	46.758.161.296
Chi phí tài chính khác	618.577.072	492.041.420
TỔNG CỘNG	45.466.650.133	47.250.202.716

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	34.389.508.215	44.427.433.244
Chi phí nhân công	8.673.512.543	8.830.559.443
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.485.835.979	3.002.936.817
Chi phí vận chuyển	8.415.493.173	8.739.160.985
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.729.744.946	13.270.153.264
Chi phí khác	7.084.921.574	10.584.622.735
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	50.808.882.588	67.732.194.029
Chi phí nhân công	27.597.195.211	36.318.369.010
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.549.724.375	7.029.333.607
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.266.763.217	13.161.269.193
Hoàn nhập quỹ khoa học công nghệ	(5.000.000.000)	-
Chi phí khác	9.395.199.785	11.223.222.219
TỔNG CỘNG	85.198.390.803	112.159.627.273

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	1.243.514.201	9.141.787.087
Thu thanh lý tài sản	282.231.994	7.112.208.084
Thu nhập khác	961.282.207	2.029.579.003
Chi phí khác	4.969.389.395	7.151.981.496
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm dừng sản xuất	2.699.442.942	5.111.754.003
Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	753.620.524	-
Chi phí khác	1.516.325.929	2.040.227.493
(LỖ)/LỢI NHUẬN THUẦN KHÁC	(3.725.875.194)	1.989.805.591

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.028.375.577.126	1.084.856.871.190
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	143.989.713.523	141.799.375.827
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.171.054.720	147.684.194.723
Chi phí nhân công	97.855.004.166	99.756.157.224
Chi phí khác	14.700.857.699	43.433.732.654
TỔNG CỘNG	<u>1.385.092.207.234</u>	<u>1.517.530.331.618</u>

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) của Công ty và các công ty con là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế, ngoại trừ các đơn vị dưới đây:

- ▶ Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía tại địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 trở đi;
- ▶ Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía tại địa bàn huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa; và
- ▶ Xí nghiệp Cơ giới, một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty được miễn thuế TNDN đối với hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.899.336.829	6.970.774.840
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.212.296.144	98.047.369
TỔNG CỘNG	<u>7.111.632.973</u>	<u>7.068.822.209</u>

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận thuần trước thuế	8.435.465.450	11.158.611.719
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Các khoản phạt	752.590.111	-
Khấu hao vượt mức quy định	64.585.227	112.353.875
Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất (nhà máy còn và nhà máy đường số 1)	2.699.442.942	5.111.754.003
Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	658.500.000	1.618.800.000
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	6.055.272.947	7.246.070.931
Dự phòng phải thu khó đòi	1.471.729.452	-
Chi phí không hợp lý hợp lệ	37.491.625	36.053.157
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(58.577.000)
Điều chỉnh cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính	(12.296.056.213)	(1.170.716.395)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	7.879.021.541	24.054.350.290
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(202.018.632)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	7.879.021.541	23.852.331.658
<i>Thu nhập chịu thuế suất 20%</i>	<i>5.090.786.390</i>	<i>9.877.173.354</i>
<i>Thu nhập chịu thuế suất 15%</i>	<i>32.379.653.520</i>	<i>32.851.877.397</i>
<i>Thu nhập được miễn thuế</i>	<i>-</i>	<i>1.610.180.466</i>
<i>Lỗ của các công ty con (*)</i>	<i>(29.591.418.369)</i>	<i>(20.486.899.559)</i>
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	5.875.105.306	6.903.216.280
Thuế TNDN phải trả đầu năm	2.060.628.365	10.542.554.421
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp năm trước	24.231.523	67.558.560
Điều chỉnh giảm thuế TNDN do chênh lệch tạm thời từ năm trước	(98.643.750)	(161.110.000)
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp theo biên bản của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa	98.643.750	161.110.000
Thuế TNDN đã trả trong năm	(2.524.010.927)	(15.452.700.896)
Thuế TNDN phải trả cuối năm (Thuyết minh số 15)	5.435.954.267	2.060.628.365

(*) Công ty và các công ty con không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ này do không thể dự tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</u>		<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
31. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Cân lệch do đánh giá lại tài sản thuần của công ty con tại ngày mua	3.209.949.462	3.706.476.346	(496.526.884)	(863.090.909)
Ảnh hưởng của các giao dịch nội bộ được cân trừ				
Kết hợp nhất khác	107.840.429	823.609.689	(715.769.260)	765.043.540
	3.317.789.891	4.530.086.035		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			(1.212.296.144)	(98.047.369)

I CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	Bên liên quan khác	Dịch vụ vận chuyển	53.780.461.193	51.772.217.360
		Bán đường	10.063.923.741	19.313.351.983
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Bán đường	94.043.342.860	113.846.576.858
		Mua đường	49.616.666.667	47.292.400.000
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đông lớn	Chi trả hộ	-	5.373.880.000
		Thu hồi khoản chi trả hộ	-	1.800.000.000
		Mua nguyên vật liệu	358.980.700	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi từ các bên liên quan với số tiền là: 12.307.663.306 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 12.307.663.306 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu bán hàng	2.921.603.000	2.921.603.000
			2.921.603.000	2.921.603.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	882.000.000	882.000.000
			882.000.000	882.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu tiền gốc vay	8.504.060.306	8.504.060.306
Hiệp hội Mía đường Lam Sơn	Cổ đông lớn	Các khoản chi hộ	3.573.880.000	3.573.880.000
Các cán bộ quản lý chủ chốt	Các cán bộ quản lý chủ chốt	Tạm ứng	16.593.897.863	16.366.667.795
			28.671.838.169	28.444.608.101
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14.1)				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	Công ty liên kết	Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	-	3.372.681.062
Hiệp hội mía đường Lam Sơn		Phải trả phí hội	36.885.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	Bên liên quan khác	Phải trả tiền dịch vụ vận chuyển	464.412.287	517.425.311
			501.297.287	3.890.106.373
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)				
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành	Bên liên quan khác	Phải trả về lợi nhuận vượt kế hoạch năm 2015/2016	2.234.355.000	2.234.355.000
			2.234.355.000	2.234.355.000
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 17)				
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành	Bên liên quan khác	Tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2011	7.720.591.150	7.720.591.150
			7.720.591.150	7.720.591.150
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (Thuyết minh số 23)				
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	Bên liên quan khác	Đường thành phẩm	8.904.000.000	-
			8.904.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương, thưởng Ban Tổng Giám đốc	3.401.000.000	4.051.954.737
Thù lao HĐQT	192.000.000	192.000.000
TỔNG CỘNG	3.593.000.000	4.243.954.737

32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	8.460.693.672	12.225.553.921
Trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(2.857.626.434)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.460.693.672	9.367.927.487
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	66.994.950	68.830.912
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	66.994.950	68.830.912
Lãi trên cổ phiếu		
- <i>Lãi cơ bản</i>	126	178
- <i>Lãi suy giảm</i>	126	178

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính trước đã được điều chỉnh giảm so với lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu đã được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm trước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 7 tháng 12 năm 2018.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 chưa được điều chỉnh giảm do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp. Doanh thu các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp chiếm tỷ trọng 100% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con được thực hiện trên lãnh thổ Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Nam. Do vậy, Công ty và các công ty con không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết liên quan đến khoản đầu tư dài hạn

Thực hiện Nghị quyết số 99 NQ/ĐLS – HĐQT ngày 5 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn với tổng vốn điều lệ được đăng ký là 26 tỷ VND do Công ty sở hữu 100% vốn để thực hiện các hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao. Trong những năm tài chính trước, Công ty đã thực hiện góp vốn vào công ty con này với tổng số tiền là 9.862.396.042 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty đang trong quá trình hoàn thành các thủ tục để góp bổ sung phần vốn điều lệ còn thiếu tại công ty con này.

Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có cam kết khoảng 31 tỷ VND từ các hợp đồng mua máy móc thiết bị, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.



Người lập
Lê Thị Liên



Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà



Phó Tổng Giám đốc
Lê Văn Quang

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2019



LAM SON SUGAR CANE JOINT STOCK CORPORATION

Add: Block 6 – Lam Son Town – Tho Xuan District – Thanh Hoa
Phone: +(84) 237 899 6667 | Fax: +(84) 237 834 092
Email: info@lasuco.com.vn | Website: www.lasuco.vn

Lasuco branch in Ha Noi:

IMPORT AND EXPORT TRADE CENTRE

Add: 6/53 Nguyen Khoai – Bach Dang Ward – Hai Ba Trung Districts – Ha Noi
Phone: +(84) 243 983 4725 | Fax: +(84) 243 862 1106

Lasuco Branch in Thanh Hoa:

GIZEF – LASUCO OFFICE (VIETNAM)

Add: 145 Duong Dinh Nghe – Thanh Hoa City – Viet Nam
Phone: +(84) 237 372 0338 | Fax: +(84) 237 372 0338
Email: Gizef.lasuco@gmail.com

Lasuco Branch in Germany:

GIZEF – LASUCO OFFICE (GERMANY)

Add: Gründer – und innovationszentrum Freiberg Brand – Erbsdorf GmbH (GIZEF)
Phone: Am St.-Niclas-Schacht 13 S-090599 Freiberg BRD
Tel & Fax: +(84) 49 3731 7810